



CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH (DỰ KIẾN)
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(Ngày 26 tháng 4 năm 2018)

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h30 - 8h00	Cổ đông/đại diện cổ đông làm thủ tục đăng ký họp và nhận Thẻ biểu quyết; ổn định chỗ ngồi	Ban tổ chức
8h00 - 8h10	Chào cờ, hát quốc ca Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu Công bố QĐ thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
8h10 - 8h15	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban KT tư cách
8h15 - 8h20	Giới thiệu Chủ tọa điều hành phiên họp: Chủ tịch HĐQT	Ban tổ chức
8h20 - 8h35	- Chủ tọa lên điều hành: + Cử Ban thư ký và Tổ giúp việc; + Thông qua chương trình làm việc chính thức (<i>Biểu quyết</i>) + Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội; (<i>Biểu quyết</i>)	Chủ tọa
8h35 - 8h50	Báo cáo kết quả SXKD năm 2017, phương hướng nhiệm vụ 2018	Bà Nguyễn Đoàn Trang UVHĐQT - Giám đốc Công ty
8h50- 9h05	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, phương hướng mục tiêu hoạt động năm 2018	Chủ tịch HĐQT
9h05 – 9h30	- Trình bày Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ - Trình bày Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Chủ tọa
9h30 - 10h00	- Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017; - Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc giám sát hoạt động QLĐH của HĐQT và Ban GD Công ty năm 2017 - Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.	TB. Kiểm soát
10h00 – 10h15	- Báo cáo công khai tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. - Báo cáo về thù lao HĐQT, BKS năm 2017, kế hoạch chi trả thù lao năm 2018	Kế toán trưởng



10h15 – 10h30	Giải lao	
10h30 - 11h00	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội thảo luận, tham gia ý kiến; - Đại hội biểu quyết thông qua từng nội dung đã bàn thảo - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình; 	Chủ tọa
11h00 - 11h20	- Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Thư ký
	- Xin ý kiến cổ đông biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa
11h20 - 11h30	Tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội	Chủ tọa
	Mời đại biểu và các cổ đông dự tiệc trưa	Ban TC





Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2018

**(Dự thảo) QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI – VINACOMIN NĂM 2018**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XI thông qua ngày 24/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Du lịch và Thương mại Than Việt Nam (nay là Công ty CP Du lịch và Thương mại-VINACOMIN) được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2004; Sửa đổi bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2016;

Mục đích:

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông; đảm bảo cho phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty CP Du lịch Thương mại – Vinacomin năm 2018 diễn ra đúng trình tự quy định của pháp luật và thành công tốt đẹp, Đại hội đồng cổ đông Công ty (ĐHĐCĐ) thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với 10 điều, qui định về quyền – nghĩa vụ - trách nhiệm của cổ đông/người đại diện cổ đông và thể thức tiến hành phiên họp như sau:

Điều 1: Trật tự của Đại hội

- Cổ đông/người đại diện hợp pháp của cổ đông Công ty có tên trong danh sách chốt ngày 30/3/2018 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp (sau đây gọi tắt là Đại biểu) đến dự họp phải có mặt đúng thời gian theo thông báo mời họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty và làm thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức để nhận *Thẻ biểu quyết*. Trường hợp đến muộn vẫn thực hiện thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức và có quyền tham gia họp và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Đại biểu đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

- Đại biểu khi vào phòng họp phải ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức quy định, ứng xử văn minh lịch sự; không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng; tắt chuông điện thoại và hạn chế ra/vào hoặc đi lại trong khi Đại hội đang làm việc.

Điều 2: Chương trình của Đại hội

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề đưa ra thảo luận, biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty từ ngày 13/4/2018. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (Năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (Sáu) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng

văn bản và phải được gửi cho Ban tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2018 ít nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc phiên họp. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. Đề xuất sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối các đề xuất trên nếu:
 - + Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - + Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;
 - + Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

Điều 3: Biểu quyết thông qua các vấn đề của ĐH

- Đại biểu tham dự họp được cấp *Thẻ biểu quyết*. Trên mỗi thẻ có ghi rõ:
 - + Mã số tham dự (là số thứ tự của đại biểu trong danh sách đăng ký dự họp)
 - + Số thẻ biểu quyết và Tên nội dung được biểu quyết;
 - + Họ tên Đại biểu và tổng số cổ phần sở hữu và (hoặc) cổ phần đại diện - chính là tổng số cổ phần biểu quyết.

- Tất cả các nội dung trong chương trình họp đều được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai bằng cách giơ *Thẻ biểu quyết* để thông qua. Mỗi nội dung/nhóm nội dung cần biểu quyết sẽ được Chủ tọa xin ý kiến 03 lần, với 03 phương án: Đồng ý/Không đồng ý/Ý kiến khác. Đại biểu lựa chọn phương án nào thì giơ cao *Thẻ biểu quyết* (ghi tên vấn đề được biểu quyết) khi Chủ tọa hỏi đến phương án đó. Mỗi *Thẻ biểu quyết*, Đại biểu chỉ được giơ 01 lần. Tổ giúp việc có trách nhiệm thu lại Thẻ biểu quyết sau mỗi lần đại biểu giơ Thẻ để chuyển cho Ban thư ký kiểm đếm theo từng phương án đã biểu quyết.

- Các nội dung đưa ra biểu quyết tại phiên họp sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên số cổ phần biểu quyết của tất cả các Đại biểu dự họp chấp thuận (*trừ các trường hợp quy định dưới đây*).

- Các trường hợp quy định tại Khoản 4 – Điều 21- Điều lệ hiện hành của Công ty, sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại phiên họp này tán thành. Bao gồm (nếu có):

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty về mô hình hoạt động và người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp

+ Quyết định dự án đầu tư mua bán tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của công ty trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

+ Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty gần nhất đã được kiểm toán.

- + Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

+ Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

Điều 4: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

- Nguyên tắc: Đại biểu dự họp khi cần phát biểu ý kiến phải đăng ký nội dung phát biểu với Chủ tọa và được sự đồng ý của Chủ tọa; Nếu có nhiều người cùng đăng ký phát biểu thì phải tuân thủ theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

- Cách thức phát biểu: nội dung ý kiến cần ngắn gọn, rõ ràng, tránh trùng lặp, tập trung phát biểu vào những vấn đề phù hợp với chương trình nghị sự được Đại hội thông qua trên tinh thần góp ý xây dựng; Không đề xuất các vấn đề liên quan đến cá nhân hoặc vượt quá phạm vi chức năng, quyền hạn của Đại hội.

Điều 5: Trách nhiệm của Chủ tọa

- Điều hành các hoạt động của phiên họp ĐHĐCĐ theo đúng nội dung chương trình nghị sự và Quy chế này một cách hợp lý, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, xin ý kiến biểu quyết các vấn đề phải thông qua Đại hội đồng cổ đông, giải đáp các ý kiến và các vấn đề phát sinh tại phiên họp.

- Chủ tọa Đại hội có quyền trì hoãn phiên họp Đại hội đồng cổ đông này đến một thời điểm khác (tối đa trong vòng 3 ngày kể từ ngày dự định họp) nếu người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Điều 6: Trách nhiệm của Ban thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của cuộc họp và tất cả các vấn đề đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp và thông qua Đại hội trước khi bế mạc;

- Tổng hợp chính xác số phiếu biểu quyết trên *Thẻ biểu quyết* theo từng nội dung được Chủ tọa xin ý kiến Đại hội và thông báo ngay cho Chủ tọa kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ và các văn kiện, kết luận của Đại hội gửi đến các cổ đông theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác của Đại hội khi Chủ tọa yêu cầu.

Điều 7: Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc.

- Biên bản và Nghị quyết được lưu giữ tại Công ty và gửi đến các cổ đông, các cơ quan liên quan theo qui định của pháp luật.

Điều 8: Hiệu lực và phạm vi điều chỉnh của Quy chế

- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại-Vinacomin thông qua tại phiên họp thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2018.

- Những nội dung liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ không được đề cập trong

Quy chế này thì được áp dụng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty và Luật Doanh nghiệp số 68//2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XI thông qua ngày 24/11/2014;

- Tất cả các cổ đông (và) hoặc người đại diện cho cổ đông Công ty có tên trong danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam chốt ngày 30/3/2018, HĐQT, BKS và các bộ phận nghiệp vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Website Cty;
- Lưu Hs ĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Số: 02 /BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và điều lệ công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin. Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin như sau :

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 do công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO được phát hành tại báo cáo số 58/2018/BCKT-BDO ngày 22 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ vào kết quả Thẩm định Báo cáo Tài chính do Ban kiểm soát Công ty thực hiện.

1. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin như sau:

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, xem xét các hồ sơ kiểm kê tài sản, công nợ đến thời điểm 31/12/2017. Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2017, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO. Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017.

- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty lập. Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	1000 đ	826.962.914	605.118.873
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1000 đ	125.179.964	38.112.147



2	Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	1000 đ		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1000 đ	431.986.944	303.332.678
4	Hàng tồn kho	1000 đ	259.867.382	258.081.957
5	Tài sản ngắn hạn khác	1000 đ	9.928.624	5.592.090
II	Tài sản dài hạn	1000 đ	35.802.454	32.199.483
1	Các khoản phải thu dài hạn	1000 đ	502.790	502.574
2	Tài sản cố định	1000 đ	14.090.118	9.889.281
3	Tài sản dở dang dài hạn	1000 đ	136.364	136.363
4	Tài sản dài hạn khác	1000 đ	21.073.182	21.671.265
	Tổng cộng tài sản	1000 đ	862.765.368	637.318.356
I	Nợ phải trả	1000 đ	804.152.967	583.921.589
1	Nợ ngắn hạn	1000 đ	807.312.997	582.675.881
2	Nợ dài hạn	1000 đ		1.245.708
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	1000 đ	55.452.371	53.396.768
1	Vốn chủ sở hữu	1000 đ	55.357.557	53.254.546
	- Vốn góp của chủ sở hữu	1000 đ	25.000.560	25.000.560
	- Quỹ Đầu tư phát triển	1000 đ	20.214.069	18.275.968
	- LN sau thuế chưa phân phối	1000 đ	10.142.928	9.978.018
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	1000 đ	94.814	142.221
	Tổng cộng nguồn vốn	1000 đ	862.765.368	637.318.356

2.1. Về bảo toàn vốn:

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2017: 55.358 triệu đồng ;

Hệ số bảo toàn vốn 1,04 lần

Như vậy năm 2017 công ty bảo toàn được vốn.

2.2. Về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2017: 826.963 triệu đồng ;

Nợ ngắn hạn thời điểm 31/12/2017: 807.313 triệu đồng ;

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,02 lần

Như vậy tại thời điểm 31/12/2017 Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.3. Về hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu:

Nợ phải trả (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) thời điểm 31/12/2017: 799.766 triệu đồng,

Hệ số nợ phải trả / vốn CSH: 14,44 lần.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin, Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông công ty.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- HĐQT, Ban KS,
- Lưu HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI
VINACOMIN

Lê Thị Minh Hồng



Số: 03 /BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Về hoạt động của Ban kiểm soát và giám sát hoạt động quản lý HDQT, BGD điều hành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin Năm 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty như sau :

1- Về hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp và điều lệ công ty, Từ đầu năm Ban kiểm soát đã họp thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2017.

Định kỳ hàng quý và cả năm Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Sau đợt kiểm soát Ban kiểm soát đều có biên bản làm việc và đưa ra những tồn tại cần khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

2- Về hoạt động của Hội đồng quản trị :

Năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên chỉ đạo công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết đưa ra giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của công ty để kinh doanh có lãi, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và các Cổ đông.

HDQT đã thực hiện theo quyền hạn, chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và thương mại - Vinacomin và các quy định của Pháp luật.

HDQT đã duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ hàng quý đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HDQT đối với giám đốc và những cán bộ quản lý điều hành.

Năm 2017, HDQT đã tổ chức họp trực tiếp và các lần xin ý kiến các thành viên HDQT, đã ban hành 33 nghị quyết với các nội dung chủ yếu tập trung cho hoàn thiện nâng cao các mặt hoạt động quản lý phục vụ tốt cho SXKD của công ty.

3- Về hoạt động của Ban giám đốc điều hành:

Ban giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo Pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc chỉ đạo công tác điều hành đã tổ chức kinh doanh phù hợp với tình hình diễn biến của thị trường để sản xuất kinh doanh năm 2017 có lãi.

Doanh thu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán: 1.540.243 triệu đồng;
lợi nhuận thực hiện: 12.829,6 triệu đồng.



4- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông.

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty và các Chi nhánh, đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu góp phần để hoạt động của ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.

Năm 2017 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về HĐQT và Ban giám đốc điều hành.

Ban kiểm soát tự kiểm điểm đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty; có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của từng thành viên Ban kiểm soát, còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các phòng chức năng quản lý của công ty, các Chi nhánh và của các cổ đông.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và Giám sát các mặt hoạt động quản lý của HĐQT, Ban giám đốc điều hành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại-Vincomin năm 2017.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- HĐQT, Ban KS,
- Lưu thư ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Minh Hồng



Số: 04 /TTr-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán
Thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát, ngày 23 tháng 3 năm 2018, Ban kiểm soát đã họp và thống nhất đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin như sau:

Tên công ty: Công ty TNHH kiểm toán BDO

Trụ sở chính: Tầng 20, tòa nhà Inco4, 243 Đê La thành, quận Đống Đa, Hà Nội

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp: 0101333767, Đăng ký lần đầu ngày 09/12/2002, Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/12/2015. Giấy chứng nhận ngày 29/02/2016 của Bộ tài chính Chứng nhận công ty đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán ; Là thành viên của Tập đoàn Kiểm toán BDO Quốc tế.

- Ủy ban chứng khoán nhà nước đã ban hành Quyết định số 1203/QĐ-UBCK ngày 26/12/2017 chấp thuận cho công ty TNHH Kiểm toán BDO được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2018.

Ban kiểm soát công ty đề nghị ĐHĐCĐ công ty thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty CP Du lịch và Thương mại- Vincomin và giao cho Giám đốc công ty ký kết hợp đồng kiểm toán và thỏa thuận mức phí. Trong trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đề nghị ĐHĐCĐ công ty ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- HĐQT, Ban KS,
- Lưu HĐQT.



Số: 15 /BC- VTTC-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Báo cáo gồm các nội dung:

- 1- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017
- 2- Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

I. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017:

Thuận lợi: Trong điều kiện tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến động, Chính phủ đã chỉ đạo theo dõi sát, điều hành chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng. Giá than thế giới có chiều hướng tăng, giá khoáng sản có dấu hiệu phục hồi (đặc biệt là giá Alumina). Sản xuất của tập đoàn TKV tuy có một vài khó khăn nhưng được đánh giá là tốt với doanh thu, lợi nhuận và thu nhập người lao động đều tăng cao so với cùng kỳ (sản lượng than sản xuất đạt kế hoạch, đặc biệt sản lượng và giá bán của Alumina, đồng, kim loại màu đều tăng trưởng rất cao trong năm 2017). Tổng doanh thu toàn Tập đoàn ước đạt 107 ngàn tỷ đồng; lợi nhuận đạt trên 2.000 tỷ đồng (tăng 1.000 tỷ đồng so với thực hiện năm 2016); nộp ngân sách: 13,4 ngàn tỷ đồng (tăng 400 tỷ đồng so với CK); Lao động tính đến 31/12/2017: 106 ngàn người (giảm 4 ngàn người so với đầu năm 2017); tiền lương bình quân: 9,3 triệu đ/ng/tháng (tăng 2,5% so CK). Về phía công ty, HĐQT và ban lãnh đạo công ty luôn theo sát, kịp thời có nhiều chủ trương, chỉ đạo và tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh vượt qua thách thức, khó khăn và phát huy lợi thế sẵn có; toàn thể người lao động Công ty, với kinh nghiệm trong cả quản lý và kinh doanh, luôn nỗ lực và nêu cao tinh thần nhiệt huyết, đồng thuận, chung sức hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2017 đại hội cổ đông đề ra.

Khó khăn: Năm 2017, tình hình tiêu thụ than toàn Tập đoàn TKV chậm, tồn kho lớn; các đơn vị trong TKV vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, xiết chặt tiết kiệm chi phí sản

xuất, cắt giảm lao động, thay đổi tổ chức; áp lực cạnh tranh vô cùng gay gắt từ nhiều phía trong mọi lĩnh vực kinh doanh của Công ty; giá cả đầu vào các dịch vụ đều tăng cao.

Trước tình hình trên, với tinh thần quyết tâm của HĐQT, BLĐ và toàn thể CBCNV Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 chúng ta đã đạt được như sau:

II. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 (Phụ lục 01 kèm theo):

1. Các chỉ tiêu tổng hợp:

- Doanh thu: 1.540,24 tỷ đồng, đạt 138% KHHĐH, bằng 124% so CK;
- LN: 12,83 tỷ đồng, đạt 160 KHHĐH, bằng 102% so CK.
- Tiền lương bq: 9,82 triệu đồng/ người/ tháng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 6,93 tỷ đồng, bằng 83% KHHĐH
- Cổ tức: Dự kiến chi trả 14%/ vốn điều lệ
- Vốn chủ sở hữu tăng: 2,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu: 23,17%

2. Đánh giá từng mảng kinh doanh:

2.1. Kinh doanh du lịch:

a. Du lịch lữ hành:

Với tinh thần giữ vững và chăm sóc tốt thị trường trong TKV, đồng thời tích cực bằng mọi biện pháp theo định hướng mở rộng thị trường ngoài TKV, bộ phận du lịch trong toàn Công ty đã hết sức cố gắng từ việc xây dựng sản phẩm tour, lựa chọn dịch vụ, đàm phán giá đầu vào, tích cực tiếp thị khách hàng, và bước đầu khai thác với những tín hiệu khả quan trong công tác bán lẻ, khách ngoài TKV qua kênh marketing online (facebook, email marketing, google adwards...)

Cũng như hàng năm, năm 2017, với chiến dịch: “Phát triển thị trường ngoài TKV” lấy làm kim chỉ nam cho chiến dịch kích cầu kéo dài bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 9 đã dành thắng lợi, là điểm nhấn mạnh mẽ thúc đẩy và đóng góp phần lớn trong kết quả kinh doanh du lịch năm 2017.

Năm 2017, toàn Công ty đã thực hiện được 350 đoàn khách, 16.205 lượt khách, trong đó có: 10.545 lượt khách trong ngành và 5.660 khách ngoài ngành (khách ngoài ngành chiếm 35% tổng số lượng khách du lịch công ty thực hiện). Các đơn vị vẫn bám sát tốt các thị trường đã được phân công từ đầu năm với tâm thế phải cạnh tranh rất gay gắt với các đơn vị lữ hành khác trong và ngoài TKV. Tuy nhiên cũng do sự cạnh tranh gay gắt này, có một số thị trường truyền thống trong TKV chưa thực hiện được, mặc dù chúng ta đã phải đàm phán tích cực về dịch vụ, thậm chí giảm giá thấp

nhất có thể trong khi vẫn phải đảm bảo chất lượng dịch vụ khiến tỷ lệ GTSX/ Doanh thu của kinh doanh du lịch đạt thấp so với kế hoạch đặt ra.

Với sự chuyển hướng trong định hướng là tập trung phát triển mạnh thị trường ngoài TKV, khách lẻ, năm 2017, Công ty đã thực hiện được các đoàn khách ngoài ngành như: Xăng dầu Hưng Yên, PJICO, TCT may 10, Công ty Matexim, Doximex, Công ty An Phát, Công ty tư vấn IBSTAC, Công ty tư vấn thiết kế XD Quảng Bình, Ngân hàng An Bình, Công ty Delco, Công ty CP cơ điện Cẩm Phả, Công ty bảo hiểm Bảo Long, CN Công ty TNHH thiết bị nặng Marubeni, Công ty CP thiết bị Đông Á, Cty Phúc An Thịnh, An Hiếu Phát..v.v... và các khách lẻ khác.

Bên cạnh đó, năm 2017 Công ty chính thức được Đại sứ quán Nhật Bản chỉ định là 1 trong số ít đơn vị lữ hành tại VN trực tiếp được cấp visa đoàn và được Tổng cục Du lịch Nhật Bản đánh giá là top 3 đơn vị lữ hành bán tour Nhật tốt nhất năm.

Với tinh thần đó, Doanh thu lữ hành năm 2017: 99,5 tỷ đồng, đạt 135% KH điều chỉnh, bằng 121% CK; GTSX: 8,1 tỷ đồng, đạt 114% KH điều chỉnh, bằng 118% CK.

b. Kinh doanh vé máy bay:

Kinh doanh vé máy bay đã luôn hỗ trợ tích cực cho mỗi sản phẩm tour và đóng góp đáng kể vào doanh thu du lịch của Công ty. Ngoài dịch vụ vé máy bay, các dịch vụ khác như hộ chiếu, visa cũng đã có sự tương tác tích cực khép kín trong chương trình tour. Trong quá trình thực hiện, bộ phận cũng luôn chủ động tìm kiếm nguồn vé rẻ, vé khuyến mại để giúp cho giá thành tour của Công ty có thể giảm thấp, tăng lợi thế cạnh tranh. Năm 2017, bộ phận đã tích cực hợp tác với các hãng hàng không để đẩy mạnh các series vé máy bay kích cầu nội địa, quốc tế của Vietnam Airlines, Vietjet, Jestar, thực hiện nhiều tour giá rẻ nhằm thu hút khách đi du lịch và quảng bá thương hiệu Công ty.

Doanh thu vé máy bay năm 2017: 20,23 tỷ đồng, đạt 99% so KH điều chỉnh, bằng 140% so CK; GTSX: 1,38 tỷ đồng, đạt 169% so KH điều chỉnh, bằng 123% so CK.

c. Kinh doanh khách sạn, ăn uống:

*** Kinh doanh phòng:**

Kinh doanh khách sạn của Công ty luôn là mảng kinh doanh gặp nhiều khó khăn trong nhiều năm trở lại đây mà chưa thực sự có biện pháp tối ưu để có thể thay đổi bộ mặt và nội lực của kinh doanh khách sạn. Ngoài việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hạ tầng thường xuyên, kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ, vệ sinh buồng phòng, tăng cường công tác tiếp thị, thì 2 khách sạn luôn đứng trước sự cạnh tranh gay gắt bởi các khách sạn tư nhân, khách sạn mới tiện nghi và giá tốt. Mặc dù, khách sạn Biển Đông nằm giữa trung tâm Bãi Cháy – trọng điểm diễn ra các hoạt động du lịch nhưng lại thường bị phụ thuộc vào tính chất mùa vụ (khách chỉ tập trung

đi du lịch từ T4-T9), doanh thu không ổn định giữa các tháng trong năm, ngoài ra quy mô của khách sạn bị hạn chế, không đáp ứng được khách đoàn với số lượng lớn.

Năm 2017 quần thể du lịch giải trí Sun World Hạ Long Park chính thức đi vào hoạt động, lượng khách du lịch về Bãi cháy trong mùa hè đã tăng 40% so với cùng kỳ năm 2016, nhờ đó lượng khách nghỉ tại khách sạn Biển Đông cũng đã tăng lên, bù đắp phần nào các tháng thấp điểm còn lại trong năm. Khách sạn Vân Long cũng đã tiếp thị được một số đoàn lợi thế như: CLB bóng đá nam giải cúp quốc gia tại sân vận động Cẩm Phả, đội bóng đá nữ Việt Nam về tập chuẩn bị cho thi đấu tại Seagames, các công ty kiểm toán về làm việc tại các đơn vị trong và ngoài TKV, các hội đồng thi tốt nghiệp các cấp, đón được một số đoàn khách tour Trung Quốc... *Kết quả, năm 2017, Doanh thu phòng: 5,8 tỷ đồng, đạt 107% KHHĐH, bằng 115% so CK;*

*** Kinh doanh ăn uống:**

Cũng như kinh doanh phòng, kinh doanh ăn uống của 2 khách sạn cũng chịu sự ảnh hưởng tương tự. Khách sạn Vân Long có lợi thế về sân bãi đỗ xe, hội trường, nhà ăn để tổ chức các cuộc Hội nghị, hội thảo, đám cưới nhưng năm 2017 đã bị chia sẻ nhiều bởi các nhà hàng, khách sạn mới, hiện đại trên địa bàn Cẩm Phả; khách sạn Biển Đông trước đây bị hạn chế bởi phòng ăn nhỏ thì từ tháng 6 năm 2017, phòng ăn đã được cải tạo, mở rộng với quy mô phục vụ 160 khách đáp ứng được nhu cầu phục vụ các đoàn khách lớn, tuy nhiên cũng do tính chất mùa vụ nên công suất phục vụ của nhà hàng chưa đạt được như mong muốn. Để khắc phục tình hình trên 2 chi nhánh cũng đã từng bước phát triển thị trường khách lẻ, phục vụ các hội nghị công đoàn, chi bộ các phòng ban và phân xưởng của các đơn vị, các hội nghị tổng kết của các trường học, khách tour du lịch... Bên cạnh đó đã phần nào thay đổi phong cách phục vụ, thực đơn nhằm đáp ứng thị hiếu ăn uống của khách hàng góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh ăn uống của Chi nhánh. Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng để khắc phục những khó khăn, song kết quả vẫn chưa đạt được kế hoạch đại hội đề ra và giảm so cùng kỳ năm 2016. *Doanh thu kinh doanh ăn uống: 7,1 tỷ đồng, đạt 71% KHHĐH; bằng 92% so CK, GTSX đạt 2,4 tỷ đồng, bằng 101% so với KHHĐH và bằng 81% so với CK.*

2.2. Kinh doanh thương mại:

Năm 2017, trong tình hình còn rất nhiều khó khăn, Công ty định hướng vẫn tiếp tục tập trung vào mặt hàng lớp chiến lược, ngoài việc triển khai và đẩy mạnh tiêu thụ trong TKV, Công ty đã phát triển được ra ngoài TKV một số thị trường như Apatit Lào Cai, cảng Hải Phòng, cảng Dầu khí, cảng Nam Hải và xi măng Bim Sơn. Song song với mặt hàng lớp, Công ty đồng thời duy trì và thúc đẩy mạnh mặt hàng xút và đã trúng thầu dài hạn cung cấp xút cho 02 nhà máy Alumin Nhân Cơ và Alumin Lâm Đồng.

Do phải chịu ảnh hưởng sự cạnh tranh khốc liệt của các Công ty thương mại đối thủ; việc tiết kiệm chi phí, cắt giảm đầu vào của các đơn vị trong TKV; Nhu cầu mua vật tư thiết bị giảm mạnh do các dự án đầu tư của các đơn vị trong TKV chưa đạt tiến độ kế hoạch đề ra, một số gói thầu Công ty tham gia đấu thầu đã không đạt được kết quả như mong muốn, giá cả đầu vào tăng cao trong khi giá bán vẫn phải chịu áp lực giảm chi phí của các đơn vị trong TKV, vì vậy năm 2017 kinh doanh thiết bị và vật tư bị giảm nhiều so với cùng kỳ 2016 và chưa đạt KHĐH.

Bước sang năm thứ 3 triển khai xưởng vá lốp với công tác sửa chữa lốp, cung cấp dịch vụ hoàn thiện sau bán hàng, khắc phục sự cố, tư vấn cách sử dụng, vận hành lốp đặc chủng đúng cách và hiệu quả; kiểm tra, vá sửa những lốp hỏng để có thể tái sử dụng. Năm 2017, xưởng đã thực hiện được gần 280 miếng vá cho các mỏ như: Cọc Sáu, Cao Sơn, Đèo Nai, Tây nam đá mài, Đồng Sin Quyền, Đông Bắc... với doanh thu ước đạt: 3,9 tỷ đồng, đạt 175% so KH, bằng 110 % so CK; GTSX: 969 triệu đồng, đạt 220 % so KH, bằng 120% so CK.

Kết quả kinh doanh năm 2017, doanh thu thương mại toàn Công ty đạt: 1.373,16 tỷ đồng, bằng 138% so KH điều chỉnh, bằng 123% so CK; GTSX đạt: 44,14 tỷ đồng, đạt 126% KH điều chỉnh và bằng 83% so CK.

2.3. Kinh doanh phục vụ TKV:

Tuy đây không phải là mảng kinh doanh chính của Công ty, song lại đóng vai trò rất quan trọng trong việc khẳng định uy tín của Công ty với Tập đoàn TKV. Năm 2017, Công ty đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung đã ký trong Hợp đồng dịch vụ với Tập đoàn. Đảm bảo: việc giữ gìn trật tự an ninh, tuyệt đối an toàn tài sản; đảm bảo bữa ăn công nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, thực đơn phong phú và luôn được đổi mới; đón tiếp khách niềm nở, văn minh, lịch sự; giữ gìn vệ sinh khuôn viên luôn sạch sẽ, ngăn nắp; phục vụ hội nghị chu đáo, đầy đủ lễ nghi; tiếp nhận, bàn giao tài liệu, bưu phẩm, bưu kiện đến TĐ kịp thời, an toàn và bảo mật với tinh thần và trách nhiệm cao, gắn bó với Cơ quan Tập đoàn như chính ngôi nhà của mình. Năm 2017, kinh doanh dịch vụ được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá là có nhiều tiến bộ, chất lượng dịch vụ ngày một nâng cao. *Doanh thu năm 2017: 10,1 tỷ đồng, đạt 102% KH năm, bằng 100% so CK.*

2.4. Kinh doanh phục vụ bữa ăn công nghiệp:

Tháng 5/2017, thực hiện chương trình tái cơ cấu của Tập đoàn TKV, thí điểm chuyển giao 73 CBCNVC của phân xưởng Chế biến - Công ty than Đèo Nai về Công ty và CNVL là đơn vị trực tiếp tiếp nhận. Toàn bộ CBCNV – NLĐ được chuyển giao sang đã rất tin tưởng và yên tâm công tác. Mặc dù bước đầu gặp rất nhiều khó khăn do đặc thù tính chất công việc phức tạp, địa điểm phục vụ nhà ăn ở xa trên khai trường mỏ, tuy nhiên bằng sự

quyết tâm của Ban lãnh đạo CNVL, sự đoàn kết đồng lòng của tập thể NLD, năm 2017 mảng kinh doanh phục vụ bữa ăn công nghiệp đã đạt được mức kế hoạch năm đề ra đảm bảo an toàn VSTP, an toàn trong sản xuất, góp phần nêu cao uy tín, năng lực kinh doanh của Chi nhánh trong lĩnh vực tiếp cận mới. Năm 2017 bộ phận phục vụ bữa ăn công nghiệp đã cung cấp được 253.600 suất ăn công nghiệp và 67.600 suất bồi dưỡng độc hại, doanh thu đạt: 19 tỷ đồng, GTSX: 4,8 tỷ đồng.

3. Công tác quản lý:

Ngay từ đầu năm, công tác quản lý toàn công ty đã được củng cố đi vào nề nếp. Báo cáo, phân tích, đánh giá kịp thời từng mảng kinh doanh; kiểm soát và quản trị chi phí, sử dụng nguồn vốn an toàn, hợp lý và hiệu quả, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao năng suất, chất lượng lao động; rà soát sửa đổi, bổ sung kịp thời các Quy chế, Quy định phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế; củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và kinh doanh; tham mưu kịp thời cho việc chỉ đạo và điều hành của Ban lãnh đạo công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

4. Công tác đầu tư:

Luôn được thực hiện theo đúng Quy chế, quy định của Công ty, của Tập đoàn và đúng Luật định, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Năm 2017, Công ty đã thực hiện tổng mức đầu tư: 6.932 triệu đồng với các hạng mục như sau:

- Đầu tư thêm 01 Website mới quảng bá thương hiệu du lịch cho Công ty: 53 triệu đồng.
- Đầu tư, sửa chữa nhà ăn khách sạn Biển Đông: 2.233 triệu đồng
- Đầu tư tổ hợp kho vật tư – lớp khách sạn Vân Long: 2.990 triệu đồng
- Đầu tư hệ thống camera tại khách sạn Vân Long: 188 triệu đồng
- Đầu tư 01 xe ô tô phục vụ SXKD Văn phòng Công ty: 1.468 triệu đồng

III. Những tồn tại:

Với những kết quả mà Công ty ta đã đạt được, bên cạnh những nỗ lực không mệt mỏi của mỗi cá nhân NLD cùng với sự điều hành quyết liệt của BLĐ Công ty, vẫn còn một số hạn chế nhất định cần khắc phục mà chúng ta phải nghiêm túc nhìn nhận lại. Đó là:

- Công tác bán lẻ trực tuyến chưa triển khai một cách quyết liệt và hiệu quả, vẫn còn tồn tại cách làm việc thủ công. Việc quảng bá các tour du lịch trên mạng đã bước đầu được chú trọng song vẫn chưa được triển khai một cách đồng bộ trong toàn Công ty.

- Công tác tiếp thị khách sạn còn yếu, chất lượng vệ sinh buồng phòng còn chưa tốt, trang thiết bị xuống cấp và chưa đáp ứng được thị hiếu của khách hàng.

- Kinh doanh ăn uống chưa thực sự đổi mới, vẫn tồn tại cách làm cũ, chưa chú trọng khâu marketing nhằm thu hút khách hàng.

- Vẫn tồn tại công nợ quá hạn chưa giải quyết dứt điểm.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. Tình hình chung:

Năm 2018, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới tăng trưởng cao hơn so 2017 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro, xu hướng bảo hộ vẫn gia tăng. Trong nước, nền kinh tế còn nhiều tồn tại, yếu kém. Dự địa chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng hạn hẹp.

Ngành Than – Khoáng sản vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên một số chỉ tiêu kế hoạch 2018 của TKV vẫn ổn định và cao hơn 2017: doanh thu 113.800 tỷ; lợi nhuận: 2000 tỷ; sản lượng than 36tr tấn (trong đó hầm lò 22,17tr tấn); tiêu thụ than 36tr tấn; tồn kho than 08tr tấn (giảm 02tr tấn so với 2017); sản xuất và tiêu thụ Alumina 1.230tr tấn (Lâm đồng: 650.000t; Nhân Cơ: 580.000t). TKV tiếp tục đẩy mạnh áp dụng cơ giới hoá và hoàn thiện các dự án đầu tư duy trì, mở rộng sản xuất trong khai thác than hầm lò.

Năm 2018, Tập đoàn sẽ thoái hết 36% vốn tại Công ty. Áp lực về cạnh tranh sẽ ngày một khốc liệt hơn. Chất lượng dịch vụ đòi hỏi ngày một tốt hơn, hoàn thiện hơn. Không ít cơ hội và thách thức, đặc biệt về cấu trúc tổ chức, quan hệ với các tổ chức tín dụng và thị trường, thị phần. Tuy nhiên, VTTC đã có uy tín thương hiệu nhất định đối với các khách hàng TKV và một số đối tác khác ngoài TKV đã mở rộng được; cơ chế quản trị của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty luôn linh hoạt, kịp thời, sát với diễn biến của thị trường và KHSX của tập đoàn TKV; tập thể NLD đầy nhiệt huyết, kinh nghiệm kinh doanh có bề dày hơn 20 năm sẽ là những thuận lợi cơ bản cho Công ty bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 2018.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018:

1. Mục tiêu:

Mục tiêu năm 2018 là nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững thị trường ngành, phát triển mạnh ngoài ngành, đảm bảo thu nhập cho người lao động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội.

2. Nhiệm vụ:

* **Các chỉ tiêu kinh doanh:** (Chi tiết theo phụ lục số 02 kèm theo)

- Doanh thu: 1.190,1 tỷ đồng
- Giá trị sản xuất: 65,28 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 8,2 tỷ đồng
- Cổ tức: 14%
- Tiền lương bình quân: 8,2 trđ/ng/tháng

* **Kế hoạch ĐTXD: 29.046 triệu đồng** (Chi tiết theo phụ lục số 03 kèm theo)

✓
7

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Về sản xuất kinh doanh:

*** Kinh doanh du lịch:**

Tiếp tục tập trung khai thác tối đa thị trường trong ngành; nâng cao tính chuyên nghiệp hơn nữa đội ngũ làm lữ hành; sản phẩm tour phải đổi mới, đa dạng, hấp dẫn và đáp ứng được thị hiếu khách hàng; chất lượng dịch vụ luôn luôn phải đặc biệt chú trọng; đàm phán tốt giảm giá đầu vào để giá tour có thể cạnh tranh được với các đơn vị lữ hành khác...

Phát triển mạnh hơn nữa thị trường ngoài ngành, bán lẻ, bán vé máy bay thông qua quảng cáo trực tuyến, kênh marketing online...

Trước mắt triển khai đón đầu tốt các tour đi hội, chùa đầu năm 2018 của các đơn vị trong TKV và ngoài TKV, khách lẻ. Và đặc biệt tiếp thị tốt tour du lịch Hạ Long – Bái Tử Long nhân dịp năm du lịch Quốc gia diễn ra tại Quảng Ninh.

Tiếp tục đa dạng hóa dịch vụ hàng không, tập trung khai thác tốt giá vé đầu vào tất cả các hãng hàng không trong và ngoài nước.

Không chỉ dừng lại ở các Hợp đồng nguyên tắc đối với dịch vụ đầu vào, Công ty cần hệ thống hóa quản lý dịch vụ đầu vào đảm bảo vừa cạnh tranh về giá, vừa khai thác hiệu quả chất lượng tour tuyến, ko đi qua đơn vị thứ 3.

Mỗi đơn vị thực hiện tốt sự phân công thị trường, bên cạnh đó cần phối kết hợp giữa các đơn vị với nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và thương hiệu công ty.

Nghiên cứu, phân tích thị trường một cách có hệ thống, nắm bắt các sự kiện văn hóa trên khắp các vùng miền trong và ngoài nước để có các sản phẩm tour hấp dẫn, đúng hướng, đáp ứng kịp thời nhu cầu tham quan du lịch của khách hàng.

*** Về kinh doanh khách sạn:**

Hiện 2 khách sạn bị hạn chế về quy mô và sự cạnh tranh gay gắt, nên cần tích cực quảng bá hình ảnh một cách bài bản qua các kênh truyền thông.

Cần nâng cao và củng cố thường xuyên hơn nữa chất lượng phục vụ, ăn uống, buồng phòng sau khi đã đầu tư, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất khách sạn. Bên cạnh đó không ngừng đẩy mạnh khâu tiếp thị khách sạn đặc biệt là đối với khách lẻ, khách đi theo nhóm để tăng doanh thu phòng, ăn uống. Đặc biệt chú ý đẩy mạnh ăn uống tại khách sạn Biển Đông với quy mô nhà ăn mới. Chuyên nghiệp hóa trong các dịch vụ phục vụ: sự kiện, hội nghị, hội thảo, tiệc cưới tại khách sạn Vân Long.

*** Về kinh doanh thương mại:**

Không ngừng bám sát nhu cầu sử dụng lớp, xút và vật tư, thiết bị của các đơn vị trong ngành để có giải pháp kinh doanh, tăng thị phần, quyết liệt giảm tồn kho.

Thường xuyên quan tâm, chăm sóc, thực hiện tốt công tác đấu thầu và quá trình thực hiện hợp đồng sau khi đã trúng thầu.

Xây dựng các mặt hàng có tính chiến lược và cốt lõi để nâng cao hiệu quả kinh doanh và thương hiệu Công ty.

Trong những năm tới, Tập đoàn có chủ trương giảm lao động thủ công, cơ giới hóa các thiết bị khai thác, vì vậy cần cập nhật các thiết bị, công nghệ mới trong cơ giới hóa hầm lò để kịp thời đáp ứng nhu cầu máy móc thiết bị cho các đơn vị khai thác với phương châm “Kinh doanh thương mại dựa trên nền tảng Kỹ thuật – Công nghệ”, tìm và tư vấn công nghệ mới cho các mỏ để từ đó mở ra cơ hội cạnh tranh với các đơn vị đối thủ.

Bám sát các dự án đầu tư của Tập đoàn và kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị của các đơn vị trong TKV.

Tăng cường mở rộng, đa dạng các nhà cung cấp nhằm tối ưu hóa nguồn cung.

2. Công tác đầu tư: (Có phụ lục 03 kèm theo)

Năm 2018 Công ty chủ trương đầu tư một số hạng mục sau:

- Đầu tư nâng cấp khách sạn Biển Đông chuẩn 3 sao;
- Đầu tư nâng cấp khách sạn Vân Long chuẩn 3 sao;
- Đầu tư thiết bị báo cháy nhà 4 tầng khách sạn Vân Long
- Đầu tư cải tạo khu hội nghị 2 tầng KS Vân Long;
- Đầu tư bể nước ngầm + hệ thống lọc KS Vân Long;
- Đầu tư bể nước ngầm KS Biển Đông;
- Đầu tư máy photocopy cho Chi nhánh Hà Nội;
- Đầu tư Hệ thống họp trực tuyến toàn Công ty.

3. Công tác quản lý:

Tiếp tục giảm lao động, nâng cao chất lượng lao động, tăng năng suất lao động, giảm ngày công lao động trực tiếp.

Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận kinh doanh để thu hồi công nợ một cách triệt để, hạn chế tối đa việc phát sinh nợ quá hạn, bảo toàn và phát triển vốn.

Thường xuyên nắm bắt thông tin và phân tích sự biến động của tỷ giá, xu hướng giá cả thị trường, lãi vay ngân hàng, kiểm soát công tác tài chính, kế toán để hạn chế rủi ro.

Tăng cường rà soát, tiết giảm các chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí quản lý, chi phí khác chưa hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đẩy mạnh và áp dụng tối ưu công nghệ thông tin vào quản trị và kinh doanh trực tuyến để có thể bắt nhịp được xu hướng kinh doanh online hiện nay một cách hiệu quả.

Thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách mới của Nhà Nước để sớm có những đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động SXKD.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (nhất là lực lượng lao động trẻ), chuyên nghiệp hóa, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường.

Trên đây, tôi đã trình bày tóm tắt kết quả hoạt động SXKD năm 2017; Phương hướng, nhiệm vụ kinh doanh cho năm tiếp theo – năm 2018.

Để đạt được các mục tiêu năm 2018, ngoài các biện pháp chủ yếu nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty rất mong Đại hội đồng cổ đông nâng cao trách nhiệm với Công ty, đóng góp ý kiến, bổ sung các biện pháp phù hợp và đồng tâm hỗ trợ, tạo điều kiện giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty vượt qua khó khăn, lãnh đạo Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 mà Đại hội giao cho.

Kính chúc các Cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Cty;
- Lưu HĐQT. *hct*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ỦY VIÊN HĐQT – GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đoàn Trang

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH Đại hội	Cùng kỳ năm trước	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
						KHĐH	CK
A	TỔNG DOANH THU	Triệu đồng	1.114.750	1.246.505	1.540.242	38,17	123,56
I	Doanh thu kinh doanh	Triệu đồng	1.114.750	1.241.198	1.535.502	37,74	123,71
1	Kinh doanh du lịch	Triệu đồng	110.000	110.587	133.159	21,05	120,41
*	Du lịch Lữ hành	“	73.800	82.566	99.502	134,83	120,51
*	Khách sạn	“	15.750	13.540	13.428	85,26	99,17
-	Phòng	“	5.400	5.061	5.802	107,44	114,64
-	Ăn uống	“	10.000	7.709	7.076	70,76	91,79
-	Khác	“	350	770	550	157,14	71,43
*	Vé máy bay	“	20.450	14.481	20.229	98,92	139,69
2	Thương mại.	Triệu đồng	994.790	1.120.491	1.373.162	138,04	122,55
-	Vật tư, phụ tùng	“	737.590	815.930	1.197.170	162,31	146,72
-	Thiết bị	“	255.000	283.744	172.138	67,51	60,67
-	Dịch vụ vá lốp	“	2.200	3.504	3.854	175,18	109,99
3	K.Doanh PV bữa ăn CN	Triệu đồng			19.028		
4	K.Doanh P.vụ Tập đoàn	Triệu đồng	9.930	10.055	10.099	101,70	100,44
5	Kinh doanh khác	Triệu đồng	30	65	54	180,00	83,08
II	Doanh thu HĐTC + khác	Triệu đồng		5.307	4.740		
B	GIÁ VỐN	Triệu đồng	1.053.657	1.166.251	1.462.781	38,83	125,43
C	GIÁ TRỊ SX	Triệu đồng	61.093	80.254	77.461	26,79	96,52
I	Doanh thu kinh doanh	Triệu đồng	61.093	80.254	77.461	126,79	96,52
1	Kinh doanh du lịch	Triệu đồng	16.168	16.998	18.378	13,67	108,12
*	Du lịch Lữ hành	“	7.100	6.907	8.121	114,38	117,58
*	Khách sạn	“	8.250	8.963	8.875	107,58	99,02
-	Phòng	“	5.400	5.061	5.802	07,44	114,64

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH Đại hội	Cùng kỳ năm trước	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
						KHĐH	CK
-	Ăn uống	“	2.500	3.132	2.523	00,92	80,56
-	Khác	“	350	770	550	57,14	71,43
*	Vé máy bay	“	818	1.128	1.382	168,95	122,52
2	Thương mại.	Triệu đồng	34.965	53.166	44.147	126,26	83,04
-	Vật tư, phụ tùng	“	28.950	46.296	37.921	130,99	81,91
-	Thiết bị	“	5.575	4.870	5.257	94,30	107,95
-	Dịch vụ vá lốp	“	440	806	969	20,23	120,22
3	K.Doanh PV bữa ăn CN	Triệu đồng			4.789		
4	K.Doanh P.vụ Tập đoàn	Triệu đồng	9.930	10.055	10.099	01,70	100,44
5	Kinh doanh khác	Triệu đồng	30	35	48	60,00	137,14
D	<u>Giá trị gia tăng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>36.762</u>	<u>37.575</u>	<u>43.925</u>	<u>19,48</u>	<u>116,90</u>
1	Khấu hao TSCĐ	“	2.505	1.967	2.074	82,79	105,44
2	Tiền lương	“	30.826	32.000	37.228	20,77	116,34
3	BHXH+Y tế+ KPCĐ	“	3.004	3.184	4.196	39,68	131,78
4	Thuế trong Z	“	427	424	427	00,00	100,71
*	<u>Lợi nhuận</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>8.000</u>	<u>12.525</u>	<u>12.829</u>	<u>60,36</u>	<u>102,43</u>
E	LĐộng, T.N & Đ.giá TL						
1	Lao động B/Q	Người	280	277	316	112,86	114,08
2	Tiền lương BQ trong Z định mức	Tr.đồng/ng/tháng	9,17	9,63	9,82	107,01	101,98
F	<u>Cổ tức</u>	<u>(%)</u>	<u>14</u>	<u>14</u>	<u>14</u>	<u>100,00</u>	<u>100,00</u>
G	<u>Đầu tư xây dựng cơ bản</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>8,32</u>	<u>2.933</u>	<u>6,93</u>	<u>83,29</u>	

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
A	<u>DOANH THU</u>	<u>Triệu Đồng</u>	<u>1.190.110</u>
I	Doanh thu kinh doanh	“	1.190.110
1	Kinh doanh du lịch	“	126.150
*	Du lịch lữ hành	“	84.800
*	Vé máy bay	“	25.200
*	Khách sạn	“	16.150
	<i>Trong đó: - Phòng</i>	“	<i>5.900</i>
	<i>- Ăn uống</i>	“	<i>10.000</i>
	<i>- Khác</i>	“	<i>250</i>
2	Thương mại	“	1.031.500
*	Vật tư, phụ tùng	“	854.500
*	Thiết bị	“	173.000
*	Dịch vụ vá lốp	“	4.000
3	Kinh doanh phục vụ bữa ăn công nghiệp	“	22.620
4	Kinh doanh phục vụ Tập đoàn	“	9.810
5	Kinh doanh khác	“	30
II	Doanh thu HĐTC	“	
B	<u>GIÁ VỐN</u>	<u>Triệu Đồng</u>	<u>1.124.829</u>
C	<u>GTSX</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>65.281</u>
I	Doanh thu kinh doanh	“	<u>65.281</u>
1	Kinh doanh du lịch	“	17.726
*	Du lịch lữ hành	“	8.068
*	Vé máy bay	“	1.008
*	Khách sạn	“	8.650
	<i>Trong đó: - Phòng</i>	“	<i>5.900</i>
	<i>- Ăn uống</i>	“	<i>2.500</i>
	<i>- Khác</i>	“	<i>250</i>
2	Thương mại	Triệu đồng	32.060
*	Vật tư, phụ tùng	“	26.865
*	Thiết bị	“	4.395
*	Dịch vụ vá lốp	“	800

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
3	Kinh doanh phục vụ bữa ăn công nghiệp	Triệu đồng	5.655
4	Kinh doanh phục vụ Tập đoàn	Triệu đồng	9.810
5	Kinh doanh khác	Triệu đồng	30
II	Doanh thu HĐTC	Triệu đồng	
<u>D</u>	<u>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>41.108</u>
1	Khấu hao TSCĐ	"	3.023
2	Tiền lương	"	32.874
3	BHXH + Y tế + KPCĐ	"	4.784
4	Thuế trong Z	"	427
<u>*</u>	<u>Lợi nhuận</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>8.200</u>
<u>E</u>	<u>LĐÔNG, T.NHẬP & Đ.GIÁ TL</u>		
1	Lao động B/Q	Người	334
2	Đơn giá tiền lương	Đồng/1.000đ doanh thu	430
3	Tiền lương b/q trong Z định mức	Tr. đồng/ng/tháng	8,20
<u>F</u>	<u>CỔ TỨC</u>	<u>%</u>	<u>14</u>
<u>G</u>	<u>ĐẦU TƯ XDCB</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>29.046</u>

KẾ HOẠCH ĐTXDCB NĂM 2018

TT	Tên dự án	Kế hoạch năm 2018										
		Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng số (Tr.đồng)	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn				
					Xây lắp	Thiết bị	KTCB khác	Ngân sách	Vốn vay	Quỹ ĐTPT, KH	Phúc lợi	NV khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	15
	TỔNG SỐ (A+B+C)			29.046	28.608	438	-	-	-	11.141	-	17.905
A	Trả nợ năm trước											
B	Kế hoạch năm 2018			29.046	28.608	438	-	-	-	11.141	-	17.905
I	Công trình chuyên tiếp											
II	Công trình khởi công mới			29.046	28.608	438	-	-	-	11.141	-	17.905
1	Dự án nhóm A											
2	Dự án nhóm B											
3	Dự án nhóm C			29.046	28.608	438	-	-	-	11.141	-	17.905
3.1	Đầu tư, nâng cấp KS Biên Đông lên 3 sao			14.384	14.384					5.754		8.630
3.2	Đầu tư, nâng cấp KS Vân Long lên 3 sao			10.873	10.873					4.349		6.524
3.3	Đầu tư cải tạo khu hội nghị 2 tầng CNVL	m2	250	2.751	2.751							2.751
3.4	Đầu tư thiết bị báo cháy nhà 4 tầng KSVL	m2		88		88				88		
3.5	Đầu tư bể nước ngầm + Hệ thống lọc tại KSVL	m3	120	420	420					420		
3.6	Đầu tư bể nước ngầm KSBD	m3	54	180	180					180		
3.7	Đầu tư máy photocopy cho CNHN			50		50				50		
3.8	Đầu tư hệ thống họp trực tuyến toàn Công ty			300		300				300		
C	Dự phòng			0								

SỐ: 16 /BC-VTTC-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017,
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

I. Đặc điểm tình hình :

Năm 2017, thị trường chủ lực của Công ty vẫn là Tập đoàn các Công ty TKV, do đó hoạt động SXKD của Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như: Các mảng kinh doanh chính, các sản phẩm và dịch vụ cốt lõi đều phải cạnh tranh trực tiếp và gay gắt với ngày càng nhiều đối thủ mạnh cùng tham gia vào thị trường TKV. Để tạo được lợi thế cạnh tranh, Công ty phải thường xuyên dự trữ mặt hàng chiến lược ở mức cao, vì vậy luôn phải chịu áp lực lớn trong việc cân đối tài chính. Bên cạnh đó, rất nhiều đơn vị khách hàng truyền thống của Công ty trong TKV có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức - nhân sự gây nên xự xáo trộn rất lớn trong quá trình hợp tác; Than sản xuất tại nhiều đơn vị trong TKV còn sự mất cân đối về chất lượng nên tiêu thụ chậm, lượng than tồn kho còn nhiều. Do đó thu nhập của người lao động và nguồn quỹ phúc lợi chung của nhiều đơn vị không tăng và công tác mua sắm vật tư, quản lý đầu tư vẫn tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ để tiết kiệm chi phí.

Để đảm bảo các mặt hoạt động của Công ty được vận hành thông suốt, hiệu quả và đạt được các mục tiêu được thông qua tại phiên họp thường niên của ĐHCĐ năm 2017, HĐQT đã bám sát tình hình hoạt động của Công ty từng tháng từng quý, chủ động nắm bắt cơ chế chính sách của Nhà nước, diễn biến của thị trường và tiềm lực của Công ty để đưa ra quyết định phù hợp và chỉ đạo kịp thời, linh hoạt, thích ứng với tình hình hoạt động SXKD và công tác quản lý điều hành của Công ty. Cùng với sự quyết liệt của Ban Giám đốc, sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, năm 2017 Công ty đã tiếp tục vượt qua hàng loạt khó khăn và đạt được kết quả rất khả quan.

II. Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017:

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên Công ty năm 2017, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo và giám sát quá trình thực hiện từng nội dung trong Nghị quyết. Kết quả đạt được như sau:

1. Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017:

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện (%)	
					So với KH 2017	So với cùng kỳ 2016
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.114,7	1.540.242	137,74	123,71
2	Giá trị sản xuất	Triệu đồng	61	77.461	126,79	96,52
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	8	12.830	160,36	102,43
4	Cổ tức dự kiến chi trả	%	14	14	100	100
5	Tiền lương bình quân/ng/tháng	Triệu đồng	9,17	9,82	107,01	101,98



2. Về thực hiện kế hoạch đầu tư:

Kế hoạch đầu tư năm 2017 được ĐHCĐ thông qua có tổng giá trị 8.320 triệu đồng với 06 hạng mục. Trong năm, Công ty đã chủ động cân đối năng lực tài chính để triển khai các hạng mục đầu tư đã được phê duyệt một cách hợp lý. Hạng mục nào chưa thực sự cấp thiết hoặc chưa được khảo sát, chuẩn bị kỹ lưỡng về các điều kiện cơ sở hạ tầng thì HĐQT và Giám đốc đều thống nhất chưa thực hiện. Đồng thời, xét thấy cần bổ sung trang thiết bị nâng cao năng lực kinh doanh, theo đề xuất của Giám đốc, HĐQT đã phê duyệt bổ sung đầu tư một xe ô tô 05 chỗ ngồi để phục vụ công tác điều hành và kinh doanh du lịch tại Cơ quan Công ty.

Kết thúc năm 2017, tổng giá trị đầu tư Công ty đã thực hiện là 6.932 triệu đồng. , đạt 83,3% kế hoạch và bằng 235% so với cùng kỳ. Các hạng mục đầu tư năm 2017 được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình thực hiện, bám sát quy trình, thủ tục đầu tư, tiết kiệm chi phí, đảm bảo chất lượng và tiến độ, kịp thời đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty. Cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	So sánh TH/KH (%)
1	Đầu tư nâng cấp nhà ăn KS Biển Đông	3.000	2.233	74,4%
2	Đầu tư phần mềm quản lý KS Biển Đông	150	0	0
3	Đầu tư camera bảo vệ KS Vân Long	200	188	94%
4	Đầu tư trang thiết bị toàn Công ty	300	53	18%
5	Đầu tư khu nhà xưởng sửa chữa và kho vật tư tại KS Vân Long	3.870	2.990	77,2%
6	Đầu tư vườn hoa phía trước KS Vân Long	800	0	0
7	Đầu tư xe ô –tô phục vụ SXKD du lịch		1.468	HĐQT phê duyệt bổ sung
	Tổng cộng	8.320	6.932	

- Về chủ trương đầu tư khu tắm khoáng nóng tại khách sạn Vân Long đã được ĐHCĐ thông qua tại phiên họp thường niên năm 2017 và giao nhiệm vụ cho HĐQT triển khai , năm 2017 HĐQT đã chỉ đạo Giám đốc tiến hành khảo sát tình hình thực tế cơ sở vật chất và làm việc cụ thể với Công ty địa chất mỏ - đơn vị hiện đang sở hữu và kinh doanh dịch vụ tắm khoáng nóng này. Bước đầu 2 bên đã có biên bản thống nhất sơ bộ và Công ty địa chất đang trình TKV phương án chuyển nhượng nguồn nước khoáng và các cơ sở hạ tầng đang kinh doanh dịch vụ này. Tuy nhiên, cơ chế pháp lý cho việc chuyển nhượng thế nào TKV vẫn đang cân nhắc và chưa có trả lời. Vì vậy, theo đúng cam kết với cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2017, HĐQT vẫn đang tiếp tục bám sát chỉ đạo Ban điều hành Công ty chuẩn bị các phương án và báo cáo tiềm khả thi về dự án này, khi nào việc chuyển nhượng được TKV quyết định HĐQT sẽ trình ĐHCĐ phương án đầu tư cụ thể chi tiết.

III. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ

HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty, phát huy dân chủ, nâng cao sức mạnh, trí tuệ tập thể trong lãnh đạo, mối quan hệ giữa cấp uỷ Đảng với các ủy viên HĐQT nhằm thực hiện nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế của Công ty.

1. Về quy trình làm việc:

HĐQT luôn thực hiện nguyên tắc tập thể. Các vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoặc giám sát của HĐQT đều được từng thành viên chủ động nghiên cứu, và đưa ra thảo luận, phân tích kỹ càng trước khi thông qua và chỉ quyết định thực hiện khi được sự đồng thuận của đa số thành viên trong HĐQT.

Trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và nhiều lần xin ý kiến các thành viên bằng văn bản để thống nhất thông qua 33 Nghị quyết, ban hành 19 quyết định và 29 văn bản các loại khác để chỉ đạo, giám sát việc triển khai nhiệm vụ của Giám đốc Công ty và thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT.

HĐQT đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2017 theo đúng trình tự thủ tục và trong thời gian quy định của pháp luật. Các báo cáo quản trị định kỳ 6 tháng và cả năm 2017 của HĐQT, Báo cáo thường niên được lập và gửi đến các Cơ quan có thẩm quyền đầy đủ.

2. Về công tác tổ chức, cán bộ :

Trong năm, thực hiện quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế quản lý cán bộ trong Công ty, HĐQT đã tiến hành xem xét, đánh giá kết quả công tác, năng lực và phẩm chất của bà Nguyễn Đoàn Trang - Giám đốc Công ty qua một nhiệm kỳ giữ chức vụ Giám đốc điều hành công ty (từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2017) và thống nhất bổ nhiệm lại bà Trang giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 05 năm tiếp theo (2018 -2022).

Đồng thời trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Giám đốc, HĐQT đã xem xét thông qua Nghị quyết phê duyệt đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm mới 03 TP công ty; phê duyệt và ra quyết định cử các Ủy viên HĐQT, Giám đốc, các PGĐ, Kế toán trưởng Công ty đi khảo sát thị trường tại Trung quốc , Thái Lan, Úc .

3. Công tác quản lý vốn, tài sản của Công ty:

HĐQT đã chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn vốn trong hoạt động đầu tư cũng như kinh doanh của Công ty thông qua việc xem xét thẩm định các báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư, hợp đồng vay vốn và tăng cường vai trò kiểm tra giám sát định kỳ hàng quý của Ban kiểm soát. Do đó, trong quá trình kinh doanh mặc dù có phát sinh nợ phải thu quá hạn nhưng Công ty đã chủ động trích lập dự phòng đầy đủ theo các quy định về quản lý tài chính của nhà nước. Kết thúc năm tài chính, lợi nhuận toàn công ty vượt kế hoạch, hệ số bảo toàn vốn đạt 1,04 lần – nguồn vốn và tài sản không chỉ được bảo toàn mà còn có sự tăng trưởng và phát triển.

Công tác bảo toàn vốn được thực hiện bằng những biện pháp cụ thể như:

- Việc vay vốn hoặc thực hiện các hợp đồng kinh doanh có giá trị trên 35% tổng tài sản của Công ty trong báo cáo kiểm toán gần nhất được Hội đồng quản trị Công ty xem xét kỹ lưỡng và phê duyệt theo đúng thẩm quyền qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ hiện hành.

126
T
TÂN
HƯỞNG
OMI
TP

- Vận dụng linh hoạt các khoản tiền đặt cọc của khách hàng, quyết liệt thu hồi công nợ để kịp thời thanh toán các khoản vay tín dụng trước hạn và đúng hạn nhằm tiết kiệm chi phí lãi vay, giữ vững uy tín với các ngân hàng; góp phần nâng cao hiệu quả của các phương án kinh doanh, mang lại lợi nhuận vượt kế hoạch và giá trị tăng trưởng cao;

- Các kho hàng hoá, phương tiện vận tải của Công ty được mua bảo hiểm tài sản, hàng hoá đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện mua đầy đủ bảo hiểm vận chuyển trước khi thực hiện vận chuyển hàng hoá giao cho khách hàng và bảo hiểm du lịch trước khi các đoàn khách du lịch khởi hành để dự phòng các tổn thất có thể xảy ra.

*** Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm trước	TH Năm nay
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	12.556	12.830
2	Tỷ suất LN trước thuế / vốn đầu tư CSH	%	50,1	51,32
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	28,94	23,13
4	Nợ phải trả/Vốn đầu tư chủ sở hữu	Lần	25,54	32,3
5	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	10,96	14,5
6	Hệ số bảo toàn và phát triển vốn	Lần	1,23	1,04

Bên cạnh việc quản lý vốn an toàn, kinh doanh hiệu quả, năm 2017 Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, thu nhập của người lao động được cải thiện, tỷ lệ phân phối cổ tức cho cổ đông đảm bảo đúng với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

IV. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Ban lãnh đạo điều hành Công ty

HĐQT thường xuyên thực hiện vai trò giám sát đối với Giám đốc Công ty, Ban lãnh đạo điều hành Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty thông qua các Nghị quyết giao Kế hoạch SXKD hàng quý, các Quy chế quản lý nội bộ, xem xét các báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh - đầu tư - quản lý tiền lương, lao động - quản trị chi phí - quyết toán tài chính 6 tháng và cả năm, các nghị quyết, quyết định sắp xếp tổ chức - nhân sự... Qua quá trình giám sát, HĐQT đánh giá nhận xét cụ thể như sau:

- Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã có sự phân công, phân nhiệm rất rõ ràng bằng văn bản. Đồng chí Giám đốc chỉ đạo bao quát chung và phân công ủy quyền cho các PGĐ và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về từng lĩnh vực công tác cụ thể, đảm bảo được tính chuyên nghiệp, phát huy khả năng, thế mạnh của từng thành viên trong Ban lãnh đạo điều hành. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc có tầm ảnh hưởng, liên quan đến hoạt động chung của Công ty đều được Ban lãnh đạo điều hành tập trung trí tuệ tập thể để giải quyết.

- Giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty với tinh thần trách nhiệm cao; Quyết liệt và chủ động trong điều hành các hoạt động kinh doanh; Luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống, tâm tư nguyện vọng của người lao động.

- Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm chỉnh cơ chế, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty. Trong năm 2017, không có trường hợp nào vi phạm các quy định của Pháp luật hoặc quy định nội bộ.



V. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2018

1. Mục tiêu :

Năm 2018, tình hình kinh tế, chính trị trong và ngoài nước vẫn luôn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT xác định mục tiêu mang tính chất định hướng trong chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty là : hoàn thành chương trình giảm toàn bộ phần vốn của Nhà nước do TKV nắm giữ tại công ty, duy trì kinh doanh ổn định, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh doanh du lịch và thương mại; Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng hiệu quả kinh doanh, đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp – cổ đông và người lao động.

Mục tiêu cụ thể cần phân đấu như sau:

- Doanh thu : 1.190,1 tỷ đồng
- GTSX: 65,28 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 8,2 tỷ đồng
- Tiền lương bình quân: 8,2 triệu đồng/người/tháng
- Cổ tức: 14%/ Vốn đầu tư chủ sở hữu
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 29,046 tỷ đồng

2. Phương hướng, nhiệm vụ:

Với trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xác định phương hướng nhiệm vụ cụ thể của năm 2018 như sau:

- Bám sát kế hoạch thoái vốn của TKV và chủ động tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược để phối hợp cùng TKV thực hiện triệt để chủ trương thoái vốn của TKV. Đồng thời chuẩn bị và thực hiện các phương án sắp xếp tổ chức, nhân sự phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty sau khi TKV thoái hết vốn.

- Quyết liệt chỉ đạo Ban giám đốc Công ty và các đơn vị tiếp tục tập trung phát triển mạnh thị trường kinh doanh thương mại và du lịch ra ngoài TKV để tạo thế chủ động hơn khi thị trường trong TKV không còn nhiều lợi thế.

- Ưu tiên triển khai các dự án đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ SXKD trực tiếp.

- Tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới một số một số quy chế quản trị nội bộ tạo ra cơ chế linh hoạt hơn nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của hoạt động SXKD trong tình hình mới và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Ban hành các định mức và cơ chế khoán chi phí, tiền lương, thưởng cụ thể và hợp lý hơn để tạo động lực trực tiếp khuyến khích người lao động tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, cống hiến năng lực, trí tuệ, thời gian một cách tối ưu để đảm bảo hoàn thành mục tiêu chung của Công ty năm 2018 và những năm tiếp theo.

Trên đây là đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 HĐQT Công ty trân trọng báo cáo các Quý vị cổ đông trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. *KN*

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông Cty,
- HĐQT, Ban KS,
- Lưu HĐQT.



Số *17* /BC-VTTC-HĐQT
V/v báo cáo công khai
một số chỉ tiêu tài chính năm 2017

Hà Nội, ngày *07* tháng *4* năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty năm 2017, đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán BOD;

Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	31/12/2017	31/12/2016
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
I	Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	826.963	605.119
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	125.180	38.112
2	Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120 - BCĐKT		
3	Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	431.987	303.333
4	Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	259.867	258.082
5	Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	9.929	51.592
II	Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	35.802	32.199
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	503	503
2	Tài sản cố định	220 - BCĐKT	14.090	9.889
-	Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	36.709	30.716
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	-22.619	-20.827
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 - BCĐKT	136	136
4	Các khoản đầu tư TC dài hạn	250 - BCĐKT		
5	Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	21.073	21.671
III	Nợ phải trả	300 - BCĐKT	807.313	583.922
1	Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	807.313	582.676
2	Nợ dài hạn	330 - BCĐKT		1.246
IV	Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	55.452	53.396
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	25.000	25.000
	<i>Trong đó: vốn góp của nhà nước</i>		<i>9.000</i>	<i>9.000</i>
2	Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413 - BCĐKT		
4	Cổ phiếu ngân quỹ	414 - BCĐKT		
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416 - BCĐKT		
6	Quỹ đầu tư phát triển	418 - BCĐKT	20.214	18.276



Handwritten signature and initials.

7	Lợi nhuận chưa phân phối	421 - BCĐKT	10.143	9.978
8	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432 - BCĐKT	95	142
B	Kết quả kinh doanh		Năm 2017	Năm 2016
1	Tổng doanh thu		1.540.243	1.246.505
-	Doanh thu bán hàng, dịch vụ	10 - BCKQHĐKD	1.535.503	1.241.198
-	Doanh thu tài chính	21 - BCKQHĐKD	3.262	1.887
-	Thu nhập khác	31 - BCKQHĐKD	1.478	3.420
2	Tổng chi phí		1.527.413	1.233.980
-	Giá vốn bán hàng, dịch vụ	11 - BCKQHĐKD	1.311.027	1.041.834
-	Chi phí tài chính	22 - BCKQHĐKD	19.299	17.597
-	Chi phí bán hàng	25 - BCKQHĐKD	159.940	134.776
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 - BCKQHĐKD	36.455	39.501
-	Chi phí khác	32 - BCKQHĐKD	692	272
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	50 - BCKQHĐKD	12.830	12.525
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQHĐKD	10.125	9.967
5	Tổng số thuế, phí phải nộp ngân sách trong năm		170.764	128.135
C	Các chỉ tiêu đánh giá khác			
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng doanh thu (%)		0,83%	1,00%
2	L.Nhuận trước thuế /vốn CSH (%)		23,18%	23,52%
3	Tổng nợ phải trả/vốn CSH (lần)		14,44	10,85
4	Tổng quỹ lương toàn Công ty		37.228	32.000
5	Số lao động bình quân (người)		316	277
6	Tiền lương bình quân người/tháng		9,82	9,63
7	Lương, thưởng Giám đốc và Người điều hành khác		1.856	1.660
8	Thù lao Hội đồng quản trị		593	353
9	Thù lao Ban kiểm soát		343	110
10	Xếp loại doanh nghiệp		A	A

Kính báo cáo đề ĐHCĐ xem xét.

Trân trọng cảm ơn. *KRM*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

Số 18 /Tr-VTTC-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2018

V/v: Phân chia lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại phiên họp thường niên ngày 25/4/2017;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
I	Kế hoạch lợi nhuận năm 2017	Đồng	8.000.000.000
II	Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2017	Đồng	12.829.664.817
III	Các khoản không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	Đồng	692.036.178
IV	Thuế thu nhập doanh nghiệp (II+III) x 20%	Đồng	2.704.340.199
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN (II-IV)	Đồng	10.125.324.618
VI	Lợi nhuận năm 2016 chưa phân chia	Đồng	17.603.445
VII	Lợi nhuận được phân chia (V+VI)	Đồng	10.142.928.063
1	Trả cổ tức		
-	Vốn điều lệ	Đồng	25.000.560.000
-	Tỷ lệ trả cổ tức theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017	%	14
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	Đồng	3.500.078.400
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đó hết hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	Đồng	0
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	6.642.849.663
a	Trích quỹ đầu tư phát triển (3 x 30%)	Đồng	1.992.854.899
b	Trích thưởng viên chức quản lý (= 1,5 tháng lương viên chức quản lý)	Đồng	244.000.000
c	Trích quỹ khen thưởng (= 0,71 tháng lương trích vào giá thành SXKD năm 2017)	Đồng	2.202.997.382



[Handwritten signature]

d	Trích quỹ phúc lợi (= 0,71 tháng lương trích vào giá thành SXKD năm 2017)	Đồng	2.202.997.382
---	---	------	---------------

Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn. *KV* ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Quang Bình



Số: 19 /BC-VTTC-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO VỀ THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - VINACOMIN và Nghị quyết số 01/2017/NQ-VTTC- ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua trong phiên họp thường niên năm 2017,

HĐQT Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình chi trả thù lao năm 2017 và đề xuất kế hoạch chi trả thù lao năm 2018 đối với HĐQT, Ban kiểm soát Công ty như sau:

1. Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-VTTC-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua ngày 25/4/2017 và Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN của Công ty năm 2017 (đã được kiểm toán), tổng số tiền thù lao năm 2017 mà các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được chi trả là **936.104.701 đồng**. (*Chín trăm ba mươi sáu triệu, một trăm linh bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*)

Chi tiết theo bảng kê đính kèm (Biểu số 01)

2. Căn cứ điều kiện SXKD, mô hình tổ chức hoạt động của Công ty năm 2018, Công ty dự kiến kế hoạch chi trả thù lao năm 2018 cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty như sau:

2.1. Tổng quỹ thù lao năm 2018 được tính trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty (Lợi nhuận sau thuế TNDN đã được kiểm toán) và tỷ lệ % Lợi nhuận thực hiện năm kế hoạch (năm 2018) so với Lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề (năm 2017).

Công thức tính như sau:

$$Q_{pc} = P_{st} \times 10\% \times (P_{th}/P_{thnt})$$

- Trong đó:

+ Q_{pc} : Tổng quỹ thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký năm 2018 (*Chỉ lấy tròn số đến hàng triệu đồng*)

+ P_{st} : Lợi nhuận sau thuế (= P_{th} - Thuế TNDN)

+ P_{th} : Lợi nhuận thực hiện năm 2018

+ P_{thnt} : Lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề (năm 2017)

Khi lập báo cáo tài chính năm 2018, Công ty có trách nhiệm tạm trích lập quỹ thù lao chi trả cho HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2018 và hạch toán vào chi phí. Sau khi kiểm toán báo cáo tài chính, nếu có phát sinh tăng/giảm quỹ thù lao năm 2018 so với số đã tạm trích lập, Công ty có trách nhiệm tính và hạch toán phân chênh lệch đó vào năm sau liền kề. *mn*

2.2. Hàng tháng Công ty tạm ứng tiền thù lao cho từng cá nhân theo mức tương tự như năm 2017 (Biểu 02).

Kết thúc năm, căn cứ kết quả SXKD, Công ty tính toán Tổng quỹ thù lao (Q_{pc}) theo công thức trên và quyết toán cho từng chức danh, nhưng tối thiểu tổng tiền thù lao trả cho từng chức danh cả năm không thấp hơn mức đã tạm ứng. Trường hợp Lợi nhuận thực hiện thấp hơn Lợi nhuận Kế hoạch, thù lao điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng.

- Thù lao năm 2018 quyết toán cho từng cá nhân được tính theo công thức sau đây:

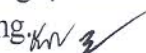
$$P_i = \frac{Q_{pc}}{\sum_{i=1}^n H_{cti}} \times H_{cti}$$

- Trong đó:

- + P_i : Mức thù lao tháng của từng người (Triệu đồng/người/tháng)
- + Q_{pc} : Tổng quỹ thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký
- + H_{cti} : Hệ số thù lao đối với từng chức danh, cụ thể như sau:

Chức danh	Hệ số thù lao
Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	1,00
Ủy viên HĐQT/Thành viên Ban Kiểm soát Công ty	0,85
Thư ký Công ty	0,75

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty xem xét phê duyệt.

Trân trọng 

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Lê Quang Bình

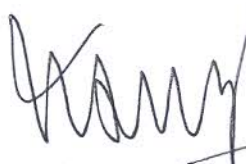
0101.
ÔNG
CỔ PHẦN
CH VÀ TH
INACO
GIẤY -

**BẢNG QUYẾT TOÁN THÙ LAO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số 19 /BC-VTTC-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2018)

Số TT	Chức danh	Chức vụ	Hệ số thù lao	Số tháng	Thù lao năm 2017 (đồng)	Số đã chi trả (đồng)	Số còn lại (đồng)
A	B	C	1	2	3	4	5=3-4
1	Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty	Chủ tịch HĐQT	1,00	12	134.691.324	64.800.000	69.891.324
2		Trưởng ban kiểm soát	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
3	Nguyễn Đoàn Trang	Ủy viên HĐQT	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
4	Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên HĐQT	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
5	Nguyễn Quỳnh Phương	Ủy viên HĐQT	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
6	Nguyễn Mạnh Toàn	Ủy viên HĐQT	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
7	Nguyễn Mạnh Trường	Ủy viên Ban kiểm soát	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
8	Phan Thành Chung	Ủy viên Ban kiểm soát	0,85	12	114.487.625	55.200.000	59.287.625
	Tổng số		6,95		936.104.701	451.200.000	484.904.701

Lập biểu



Nguyễn Mạnh Trường

Giám đốc



Nguyễn Đoàn Trang

**BẢNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, THƯ KÝ NĂM 2018**
(Kèm theo Báo cáo số: 19 /BC-VTTC-HĐQT ngày 07/4/2018)

Số TT	Chức danh	Số người	Số tháng	THÙ LAO KẾ HOẠCH 2018	
				Mức thù lao /tháng (đ)	Tổng thù lao 12 tháng (đ)
A	B	1	2	3	4=3*2*1
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	5.400.000	64.800.000
3	Ủy viên HĐQT	4	12	18.400.000	220.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3	12	13.800.000	165.600.000
5	Thư ký Công ty	1	12	4.200.000	50.400.000
	Tổng số	9		41.800.000	501.600.000

Ghi chú:

- Mức thù lao trên là mức tối thiểu được trả khi Công ty hoàn thành Lợi nhuận kế hoạch và được tạm ứng cho cá nhân hàng tháng.
- Thù lao cả năm được quyết toán trên cơ sở Lợi nhuận thực hiện cả năm theo 02 công thức quy định tại Mục 2 của Báo cáo. Trường hợp Lợi nhuận thực hiện đạt thấp hơn Lợi nhuận kế hoạch thì Thù lao giảm theo tỷ lệ tương ứng.
- Tổng số tiền Thù lao thực hiện của năm 2018 sẽ được báo cáo chi tiết với cổ đông trong phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Lập biểu


Nguyễn Mạnh Cường

Giám đốc


Nguyễn Doan Trang

Số: 20 /QĐ-VTTC-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI-VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Than Việt Nam (nay là Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- VINACOMIN) được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 17/10/2004; sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2018/NQ-VTTC-HĐQT, ngày 09/3/2018 của Hội đồng quản trị công ty về việc chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 gồm các ông/ bà có tên sau đây:

1. Ông Phan Thành Chung - Ủy viên Ban kiểm soát Công ty – Trưởng ban
 2. Bà Dương Thị Dung - Kế toán trưởng Chi nhánh Hà Nội - Ủy viên
 3. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên – Kế toán trưởng CN Quảng Ninh - Ủy viên
- Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Ban do Trưởng ban phân công.

Điều 2. Ban có nhiệm vụ kiểm tra danh sách, tiêu chuẩn, điều kiện của cổ đông/đại diện của cổ đông tham dự phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành và Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên công ty năm 2018, để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và Ban tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Các ông/bà có tên tại Điều 1, Giám đốc và các cổ đông công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin căn cứ quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các UVHĐQT, BKS Cty; (e-copy)
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Số: 21 / TTr – VTTC - HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng (Nghị định 71) và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua gần nhất tại cuộc họp thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2016,

Để đảm bảo công tác quản trị nội bộ trong Công ty tuân thủ đúng các quy định pháp luật đối với mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức và phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trên cơ sở các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 71 và Thông tư số 95.

(Nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được đính kèm Tờ trình này và được gửi cho các cổ đông cùng các tài liệu Đại hội từ ngày 13/4/2018)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét :

1. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin;
2. Giao cho HĐQT hoàn thiện toàn văn Quy chế này và ký ban hành trong tháng 4 năm 2018.

Trân trọng. *h*

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu TC-HC, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2018/NQ-VTTC-ĐHĐCĐ ngày /04/2018)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1 : Cơ sở pháp lý, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này được xây dựng trên cơ sở:
 - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (Luật Doanh nghiệp);
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 (Luật Chứng khoán);
 - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng (Nghị định 71);
 - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71;
 - Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư 155);
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày Tháng 4 năm 2018;
 - Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản Pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
- Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ Quản lý khác của Công ty;
- Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện hoạt động quản trị Công ty của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin.

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

- Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :
 - “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - “Công ty”: là Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin;
 - “Điều lệ Công ty”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ.
 - “Đại hội đồng cổ đông” (viết tắt là ĐHĐCĐ): gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

đ. "Hội đồng quản trị" (viết tắt là HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

e. "Cổ đông lớn" là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần biểu quyết của Công ty.

g. "Người quản lý công ty" : là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ.

h. "Người có liên quan" là các nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp; khoản 34 Điều 6 của Luật chứng khoán.

i. "Người điều hành công ty" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ.

k. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành): là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

l. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là thành viên độc lập): là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 151 Luật doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau :

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

m. "Người phụ trách quản trị công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 30 của Điều lệ và các Điều Của Quy chế này

2. Những từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hoặc Điều lệ thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản đó.

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường được triệu tập theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Công ty có trách nhiệm thông báo việc chốt danh sách cổ đông như sau:

a) Gửi Thông báo về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng và trên website của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp).

b) Báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

a) Thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) để lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội trước ngày gửi Thông báo mời/triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn năm (05) ngày. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 4. Thông báo mời/triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. Thông báo mời/triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)

2. Chương trình họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông kèm với Thông báo mời/triệu tập họp và/hoặc đăng trên website của Công ty (www.vttc.net.vn).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty có thể kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm:

- Họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với cổ đông là cá nhân);

- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với cổ đông là tổ chức);

- Số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ;

- Nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng văn bản (Giấy đăng ký, Giấy ủy quyền) theo một trong các cách thức và thời hạn được ghi trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty gửi kèm Thông báo mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký gốc của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức ủy quyền thì phải có chữ ký gốc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của từng người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp phải mang theo Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu để Ban tổ chức kiểm tra (nếu cần thiết) và phải nộp lại văn bản

bản gốc Giấy đăng ký dự họp hoặc Giấy ủy quyền (nếu chưa gửi cho Ban tổ chức) trước khi vào họp.

4. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp phải làm thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức và nhận Thẻ biểu quyết trước khi vào họp. Trường hợp đến muộn vẫn thực hiện thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức và có quyền tham gia họp và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng cuộc họp để chờ người đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Cách thức biểu quyết và bỏ phiếu của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp bằng Thẻ biểu quyết.

a) Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp khi đăng ký vào danh sách dự họp được cấp một bộ Thẻ biểu quyết. Trên mỗi thẻ có ghi rõ:

- Mã số tham dự (là số thứ tự của đại biểu trong danh sách đăng ký dự họp)
- Số thẻ biểu quyết (được đánh theo thứ tự các vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết trong chương trình nghị sự của Đại hội) và Tên vấn đề được biểu quyết;
- Họ tên cổ đông/người được ủy quyền dự họp và tổng số cổ phần sở hữu và (hoặc) cổ phần đại diện (chính là tổng số phiếu biểu quyết tại cuộc họp).

b) Mỗi vấn đề biểu quyết sẽ được Chủ tọa xin ý kiến 03 lần, với 03 phương án:

- Tán thành /Đồng ý
- Không tán thành/Phản đối
- Ý kiến khác/Không có ý kiến

Cổ đông/người được ủy quyền dự họp giơ Thẻ biểu quyết hoặc không giơ Thẻ biểu quyết theo phương án mà mình lựa chọn. Mỗi Thẻ biểu quyết, cổ đông/người được ủy quyền dự họp chỉ được giơ Thẻ tối đa một (01) lần.

2. Việc bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành trong trường hợp bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

a) Hình thức và nội dung của Phiếu bầu cử được quy định tại Quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ thông qua tại chính cuộc họp có nội dung bầu cử đó.

b) Khi tiến hành bỏ Phiếu bầu cử, cổ đông/người được ủy quyền dự họp thực hiện theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Thông thường Phiếu bầu cử được bỏ vào hòm phiếu có niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

3. Công ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu và biểu quyết của cổ đông thông qua phương tiện điện tử và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các cổ đông có nhu cầu biểu quyết bằng hình thức từ xa sẽ được Công ty cấp Thẻ biểu quyết qua thư hoặc thư điện tử khi tiến hành đăng ký từ xa hoặc được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp tài khoản truy cập để thực hiện việc bỏ phiếu điện tử (nếu Công ty có đăng ký sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử). Trong trường hợp biểu quyết từ xa, Thẻ biểu quyết phải được gửi đến Ban tổ chức đại hội trước thời gian biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp và phải được niêm phong kín.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu.

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu (nếu cần) theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có thể lựa chọn một số người giúp việc trong danh sách do Ban tổ chức chuẩn bị để hỗ trợ việc thu Thẻ biểu quyết.

2. Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại cuộc họp.

3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thu lại số Thẻ biểu quyết “tán thành” nghị quyết trước, số thẻ “phản đối” sau và cuối cùng tổng hợp số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, phản đối hoặc ý kiến khác (ý kiến khác/không có ý kiến) theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tổng hợp xong và chậm nhất trước thời điểm Thư ký Đại hội đọc biên bản cuộc họp.

4. Đối với việc bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT và/hoặc Kiểm soát viên, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu sau khi tất cả cổ đông/người được ủy quyền dự họp hoàn thành việc bỏ phiếu vào hòm phiếu. Số phiếu biểu quyết bầu được tổng hợp theo tên ứng cử viên. Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ đọc Biên bản kiểm phiếu bầu ngay sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

Điều 8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong trường hợp cổ đông/người được ủy quyền dự họp phản đối quyết định của ĐHĐCĐ ngay tại cuộc họp thì người đó phải thực hiện bằng hình thức lập văn bản, ghi rõ họ tên và mã số tham dự ĐHĐCĐ, nội dung và lý do phản đối. Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận vào Biên bản cuộc họp.

2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu hủy bỏ chi trả.

4. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của ĐHCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của ĐHCĐ.

Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp, danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 10. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều 22 của Điều lệ Công ty sau khi có Nghị quyết của HĐQT về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. HĐQT phải lập Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm tra, tổng hợp kết quả biểu quyết bằng văn bản. Thành phần Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm:

- Chủ tịch HĐQT là Trưởng ban kiểm phiếu;

- Các thành viên HĐQT là ủy viên Ban kiểm phiếu;

- Một (01) Kiểm soát viên và một (01) cổ đông không phải là người nắm chức vụ quản lý của Công ty làm nhiệm vụ giám sát việc kiểm phiếu ;

3. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty. Bao gồm :

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty ;

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn) ;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại ;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán ;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35 % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán ;

h) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty ;

Điều 11. Công bố Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Biên bản họp và Nghị quyết họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản đều phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

CHƯƠNG III
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT phải là người đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý các lĩnh vực kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
2. Thành viên HĐQT trị độc lập ngoài các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 151 Luật doanh nghiệp như sau :
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty/Chi nhánh của Công ty ; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty/Chi nhánh của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc Chi nhánh của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.
3. Thành viên HĐQT không điều hành: là thành viên HĐQT đáp ứng điều kiện không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.

Điều 13. Ứng cử, đề cử, giới thiệu người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần phổ thông liên tục ít nhất sáu (06) tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách) thỏa mãn điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty lập hồ sơ ứng cử hoặc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên HĐQT gồm :
 - a) Đơn ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT (theo mẫu quy định tại Quy chế bầu cử được gửi kèm Thông báo mời họp ĐHĐCĐ).
 - b) Các tài liệu cung cấp thông tin về ứng viên bao gồm:
 - Tóm tắt lý lịch (theo mẫu quy định tại Quy chế bầu cử được gửi kèm Thông báo mời họp ĐHĐCĐ) do ứng viên tự kê khai và ký xác nhận, có dán ảnh chân dung ứng viên chụp trong vòng ba (03) tháng tính đến ngày nộp Đơn;
 - Bản sao y công chứng các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ học vấn và trình độ chuyên môn đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này;
 - Bản cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT;
2. Hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi cho Ban tổ chức ĐHĐCĐ đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty muộn nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp

Ban tổ chức đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và/hoặc các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT Công ty;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu hoặc tổ chức đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật tùy theo tín sẵn sàng của thông tin ứng viên.

Điều 14. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đều số phiếu đó cho các ứng cử viên mà mình lựa chọn.

2. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

3. Danh sách người trúng cử sẽ được lấy từ ứng viên có tổng số phiếu biểu quyết từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT cần bầu và phải đảm bảo HĐQT có đủ số lượng thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty. Trường hợp chỉ cần bầu một (01) thành viên thì người trúng cử là ứng viên đạt tổng số phiếu biểu quyết cao nhất.

4. Nếu xảy ra trường hợp phải lựa chọn một (01) trong một số ứng cử viên đạt được số phiếu biểu quyết ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Số lượng ứng viên đã trúng cử chưa đảm bảo tỷ lệ thành viên không điều hành theo quy định thì người có đủ tiêu chuẩn là thành viên không điều hành sẽ ưu tiên được chọn.
- b) Ứng viên đều là cổ đông thì cổ đông nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn;
- c) Ứng viên đều không là cổ đông thì ứng viên nào có thời gian tham gia HĐQT trước đó dài hơn sẽ ưu tiên được chọn.
- d) Nếu không đáp ứng điều kiện nào nêu trên thì ĐHĐCĐ tiếp tục bầu lại từ số ứng viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau cho đến khi xác định người trúng cử.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Thành viên đó gửi đơn từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

đ) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Công ty phải thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật doanh nghiệp trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày có thay đổi thành viên HĐQT bởi việc bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT.

2. Công ty phải thực hiện thủ tục công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điểm n khoản 1 Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT được gửi đến các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên đã được đăng ký tại Công ty.

2. Thông báo họp HĐQT phải được làm thành văn bản bằng tiếng Việt ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản hoặc gửi thư

11/2015/CTN/IN/1/2011

điện tử đến HĐQT và việc từ chối có thể được thay đổi, hủy bỏ bằng văn bản của chính thành viên HĐQT đó.

Điều 18. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người có trách nhiệm triệu tập họp Hội đồng Quản trị thường kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

2. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có đề nghị bằng văn bản của:

- a) Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b) hoặc ít nhất hai (02) thành viên HĐQT
- c) hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp HĐQT. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

4. Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thông báo mời lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được thông báo họp lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Nếu lần thứ hai không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là họp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

5. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (i) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; (ii) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

a) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

b) Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách họp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 19. Thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cách thức biểu quyết:

a) Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này; Trong các cuộc họp trực tiếp hoặc qua điện thoại, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc trả lời bằng miệng đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa kết luận và hỏi ý kiến. Các phương án biểu quyết bao gồm đồng ý, phản đối hoặc không có ý kiến.

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

d) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT có quyền dự họp và thảo luận nhưng không có quyền được biểu quyết.

3. Lấy ý kiến bằng văn bản:

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

4. Thông báo Nghị quyết của HĐQT:

a) Căn cứ vào nội dung được các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản Nghị quyết của HĐQT.

b) Các Nghị quyết này được gửi cho tất cả các thành viên HĐQT và các chủ thể có quyền lợi và/hoặc nghĩa vụ liên quan trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ban hành.

c) Các nội dung Nghị quyết thuộc phạm vi công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, thư ký và tất cả thành viên HĐQT tham dự họp.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 21. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

d) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty;

đ) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 22. Ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần phổ thông liên tục ít nhất sáu (06) tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách) thỏa mãn điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty lập hồ sơ ứng cử hoặc đề cử ứng viên vào vị trí Kiểm soát viên gồm:

a) Đơn ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên (theo mẫu quy định tại Quy chế bầu cử do HĐQT ban hành gửi kèm Thông báo mời họp ĐHĐCĐ).

b) Các tài liệu cung cấp thông tin về ứng viên bao gồm:

- Tóm tắt lý lịch (theo mẫu quy định tại Quy chế bầu cử do HĐQT ban hành gửi kèm Thông báo mời họp ĐHĐCĐ) do ứng viên tự kê khai và ký xác nhận, có dán ảnh chân dung ứng viên chụp trong vòng ba (03) tháng tính đến ngày nộp Đơn.

- Bản sao y công chứng các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ học vấn và trình độ chuyên môn đáp ứng tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều 20 Quy chế này.

- Bản cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên;

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi cho Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty muộn nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Ban tổ chức đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên

quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và/hoặc các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật tùy theo tín sẵn sàng của thông tin ứng viên.

Điều 23. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số Kiểm soát viên cần bầu. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đều số phiếu đó cho các ứng cử viên mà mình lựa chọn.

2. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

3. Danh sách người trúng cử sẽ được lấy từ ứng viên có tổng số phiếu biểu quyết từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng Kiểm soát viên cần bầu. Trường hợp chỉ cần bầu một (01) Kiểm soát viên thì người trúng cử là ứng viên đạt tổng số phiếu biểu quyết cao nhất.

4. Nếu xảy ra trường hợp phải lựa chọn một (01) trong một số ứng cử viên đạt được số phiếu biểu quyết ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Ứng viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên sẽ ưu tiên được chọn;
- c) Ứng viên nào có thời gian là thành viên Ban kiểm soát Công ty trước đó dài hơn sẽ ưu tiên được chọn.
- d) Nếu không đáp ứng điều kiện nào nêu trên thì ĐHCĐ tiếp tục bầu lại từ số ứng viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau cho đến khi xác định người trúng cử.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung, thay thế Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Khi số lượng Kiểm soát viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Kiểm soát viên trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số Kiểm soát viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông tin về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên được thông báo theo cách thức tương tự như quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

CHƯƠNG VI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị sẽ lập các Tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 31 Điều lệ khi thấy cần thiết.

2. Các Tiểu ban có thể xác lập gồm:

- a. Tiểu ban chính sách phát triển
- b. Tiểu ban nhân sự
- c. Tiểu ban kiểm toán nội bộ
- d. Tiểu ban lương thưởng

Điều 27. Cơ cấu, thành phần của các Tiểu ban:

1. Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban do HĐQT quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm, nhưng mỗi tiểu ban sẽ có ít nhất ba (03) thành viên, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm đa số trong tiểu ban.

2. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong tiểu ban làm Trưởng tiểu ban. Người này nhất thiết phải là thành viên HĐQT không điều hành.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

1. Thành viên của tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban phụ trách. Bao gồm nhưng không hạn chế trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Các thành viên trong tiểu ban chiến lược phải có kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty. HĐQT sẽ cân nhắc lựa chọn các thành viên có năng lực cao trong các lĩnh vực nghiệp vụ, có kiến thức tài chính tham gia tiểu ban này.

b) Các thành viên trong tiểu ban nhân sự phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản về đạo đức kinh doanh, quản lý, Luật doanh nghiệp, Luật lao động và các quy định khác có liên quan.

c) Các thành viên trong tiểu ban lương thưởng phải liên chính và nắm vững những nguyên tắc cơ bản về kinh tế, tài chính, Luật lao động...

d) Các thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có trình độ chuyên môn về tài chính, kế toán hoặc kiểm toán và không làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty.

2. Trưởng các tiểu ban phải là thành viên HĐQT không điều hành. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HDDQT độc lập.

Điều 29. Trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên.

1. Quyền hạn và trách nhiệm của các tiểu ban và của từng thành viên trong mỗi tiểu ban do HĐQT quy định thông qua Quy chế hoạt động của tiểu ban hoặc Quyết định thành lập tiểu ban đó tại từng thời điểm.

2. Trong mọi trường hợp, Trưởng ban của mỗi tiểu ban là người chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động của tiểu ban và phải báo cáo Chủ tịch HĐQT về những công việc của tiểu ban đó, đồng thời Trưởng tiểu ban phải có mặt tại các kỳ họp ĐHCĐ để trả lời các câu hỏi của cổ đông khi cần thiết.

CHƯƠNG VII LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 30. Các tiêu chuẩn người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác (nếu có) được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý cán bộ của Công ty do HĐQT phê duyệt ban hành.

3. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được mục tiêu đề ra.

Điều 31. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm người điều hành Công ty

1. Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị có thể đề cử một trong số các thành viên HĐQT cho vị trí Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ý kiến của cổ đông lớn...) để lựa chọn bổ nhiệm.

2. Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác (nếu có) do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty. Hồ sơ, trình tự thủ tục bổ nhiệm được quy định tại Quy chế quản lý cán bộ Công ty.

3. Hội đồng quản trị tổ chức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết bổ nhiệm người điều hành. Chủ tịch HĐQT ký quyết định bổ nhiệm người điều hành Công ty sau khi có Nghị quyết của HĐQT.

Điều 32. Bổ nhiệm lại chức vụ của Người điều hành Công ty

1. Khi người điều hành Công ty kết thúc thời hạn giữ chức vụ, Hội đồng quản trị xem xét quyết định bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại:

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;
- Phẩm chất đạo đức tốt;
- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;
- Có đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;
- Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm lại tương tự như hồ sơ bổ nhiệm lần đầu

Điều 33. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành

1. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Giám đốc Công ty. Giám đốc công ty ký hợp đồng lao động với những người điều hành khác.

2. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và phải ghi rõ mức lương, thù lao, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn người điều hành.

Điều 34. Miễn nhiệm, từ nhiệm hoặc mất tư cách người điều hành Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và phải bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có thể phản đối việc miễn nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

2. Trường hợp Giám đốc Công ty mất tư cách (bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 03 ngày trở lên) Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

3. Người điều hành xin từ chức phải gửi đơn cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 30 ngày kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

4. Người điều hành có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

5. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành (Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng Công ty) được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

11/01/2019
Lục VI / 01/19

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 35. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc.

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

2. Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và những cán bộ điều hành khác của Công ty có thể tham dự các cuộc họp HĐQT theo giấy mời và tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết trừ trường hợp bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc tham dự họp và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

4. Biên bản các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát được thư ký ghi lại đầy đủ trung thực và phải có chữ ký của các thành viên dự họp. Biên bản họp được lưu giữ tại Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên.

5. Nghị quyết của HĐQT được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào (họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng phiếu biểu quyết) đều được gửi cho các Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty theo phương thức tương tự như đối với thành viên HĐQT.

Điều 36. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc và các cán bộ điều hành, quản lý khác là cơ quan chấp hành của Hội đồng quản trị và chịu sự kiểm tra, giám sát trực tiếp của Ban kiểm soát.

2. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách quản lý khủng hoảng ...nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các quyết định đó.

3. Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái với pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này Giám đốc phải báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.

Điều 37. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

00
01
CỔ
H V
NA
4V

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định;

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Giám đốc phải xin ý kiến HĐQT trong các trường hợp:

- a) Xảy ra khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Giám đốc Công ty;
- b) Các giao dịch mà Giám đốc là một bên liên quan;
- c) Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện Nghị quyết của HĐQT;
- d) Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Giám đốc.

Điều 38. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

1. Định kỳ hàng quý Giám đốc Công ty phải có báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ kết quả hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ cũng như HĐQT đã giao.

2. HĐQT cũng có thể yêu cầu Giám đốc Công ty báo cáo đột xuất về các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn Giám đốc Công ty được giao tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty khi thấy cần thiết.

Điều 39. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc Công ty

1. Việc kiểm điểm tình hình Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT luôn được tích hợp thành một mục trong chương trình họp định kỳ của HĐQT quý II và cuối năm với sự tham gia trực tiếp của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty.

2. Nội dung kiểm điểm nhằm đánh giá: quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, giao phó hoặc ủy quyền; tinh thần trách nhiệm; kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 40. Giám đốc báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT, Ban kiểm soát.

1. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty, kết quả thực hiện các quyết định, nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Giám đốc Công ty và những cán bộ điều hành khác (Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc đơn vị) có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Giám đốc và các cán bộ điều hành có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc người liên quan.

3. Giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty do HĐQT và Kiểm soát viên Công ty yêu cầu theo quy định của pháp luật

Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên.

1. HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động của Giám đốc và cán bộ điều hành Công ty thông qua : việc tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết; các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty

2. Kiểm soát viên được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và Giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của Công ty.

3. Hàng năm Ban kiểm soát tổ chức ít nhất 02 cuộc kiểm tra định kỳ nhằm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng của Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính của Công ty; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

CHƯƠNG IX QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 42. Tiêu chuẩn đánh giá

1. Đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

b) Quản lý, điều hành, giám sát toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích chính đáng cho các cổ đông, cán bộ quản lý điều hành, nhân viên và vì sự phát triển của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, không lợi dụng chức vụ, địa vị và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức và cá nhân khác.

2. Đối với các người điều hành doanh nghiệp khác (Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Công ty, Giám đốc đơn vị)

a) Điều hành trong phạm vi, lĩnh vực được phân công đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, không lợi dụng chức vụ, địa vị và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức và cá nhân khác.

c) Tinh thần trách nhiệm, tận tâm với công việc, trung thực đáng tin cậy và nỗ lực để thành công.

07
HÀ
HƯ
JM
TP

d) Chấp hành các quy định quản trị nội bộ, đoàn kết, gương mẫu trong công việc và đạo đức lối sống.

Điều 43. Cách thức đánh giá

1. Hàng năm, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Người điều hành Công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào Quy chế quản lý cán bộ của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá

4. Kết quả đánh giá được phân loại đối với từng cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 44. Khen thưởng

1. Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt trích từ lợi nhuận sau thuế một tỷ lệ nhất định đưa vào quỹ thưởng Viên chức quản lý để chi thưởng cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành Công ty (Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng) và trích quỹ khen thưởng tập trung để chi thưởng cho các cán bộ quản lý, điều hành khác và nhân viên trong Công ty.

2. Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; đối với từng thành viên, Hội đồng quản trị phê duyệt hình thức và mức khen thưởng đối với từng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và thành viên Ban điều hành theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 90% nguồn tiền thưởng được trích từ lợi nhuận sau thuế. Mức khen thưởng cụ thể do Giám đốc đề xuất tùy thuộc vào tình hình thực tế của từng năm.

Điều 45. Kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Tùy theo mức độ vi phạm, hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm; trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì ngoài việc bị kỷ luật còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Các cán bộ quản lý điều hành khác (từ Trưởng phòng Công ty, Giám đốc đơn vị trở xuống) không hoàn thành nhiệm vụ thì tùy theo mức độ vi phạm và vị trí công tác của từng cá nhân, hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách đến kéo dài thời hạn nâng lương hoặc cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc sa thải. Nếu vi phạm dẫn đến thiệt hại cho Công ty, cổ đông hoặc người khác thì ngoài việc bị kỷ luật còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Bổ nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 47. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Phải là người có hiểu biết về pháp luật ;

2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

3. Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng.

4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền sau:

a) Tham dự các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ;

b) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo Quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về công tác quản trị công ty do UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán tổ chức cho các công ty đại chúng.

2. Người phụ trách quản trị Công ty có các nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

d) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty đến các phòng ban, đơn vị trong nội bộ Công ty và công bố thông tin đến các cổ đông và cá nhân tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại cuộc họp thường niên ngày tháng 4 năm 2018 và do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

2. Quy chế này gồm 11 Chương 51 Điều có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

3. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý, điều hành của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Điều 51. Sửa đổi và bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có những vấn đề mới phát sinh xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung vào cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm sau.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Quang Bình

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông công ty CP Du lịch và Thương Mại – Vinacomin

Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin do ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại phiên họp thường niên ngày 22/4/2016 được xây dựng trên cơ sở Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính và cập nhật các quy định mới của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014).

Năm 2017, Bộ Tài Chính ban hành Điều lệ mẫu mới tại Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng. Theo đó, Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt nam (cổ đông tổ chức hiện đang nắm giữ 36% cổ phần phổ thông của Công ty) đã có công văn số 1303/TKV-TCNS ngày 22/3/2018 ban hành Điều lệ mẫu công ty áp dụng cho các công ty con trong TKV.

Sau khi rà soát các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 của Bộ tài chính đồng thời tham khảo Điều lệ mẫu do TKV xây dựng, HĐQT Công ty dự kiến sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty nhằm đảm bảo cập nhật đầy đủ các quy định mới của pháp luật và phù hợp với điều kiện của Công ty trong bối cảnh hiện nay.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và toàn văn Dự thảo Điều lệ sửa đổi được đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét biểu quyết thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ nêu trên để Công ty hoàn thiện và ban hành bản Điều lệ mới, thay thế bản Điều lệ do ĐHĐCĐ thông qua ngày 22/4/2016.

Trân trọng cảm ơn. *kr*

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu TC-HC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI-VINACOMIN
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ)

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU		4
CHƯƠNG I	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1	Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ	4
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Điều 4	Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	6
Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
CHƯƠNG II	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6	Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7	Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	9
Điều 8	Chào bán, mua lại cổ phần, phát hành chứng khoán	10
Điều 9	Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10	Thu hồi cổ phần và thanh toán mua cổ phần	12
CHƯƠNG III	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 11	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty	13
MỤC 1	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12	Quyền của cổ đông	13
Điều 13	Nghĩa vụ cổ đông	15
Điều 14	Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16	Các đại diện được ủy quyền	18
Điều 17	Thay đổi các quyền	20
Điều 18	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 21	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 22	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 23	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 24	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
MỤC 2	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 25	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 26	Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	29
Điều 27	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 28	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT	33
Điều 29	Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 30	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 31	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	37
Điều 32	Người phụ trách quản trị công ty	38
MỤC 3	GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY	39
Điều 33	Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 34	Người điều hành Công ty	39
Điều 35	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	39
MỤC 4	BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 36	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	42
Điều 37	Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên	42

Điều 38	Ban kiểm soát	44
MỤC 5	BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 39	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	46
MỤC 6	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC	47
Điều 40	Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành	47
Điều 41	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	47
Điều 42	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	48
CHƯƠNG IV	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	49
Điều 43	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	49
CHƯƠNG V	NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY	50
Điều 44	Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội	50
CHƯƠNG VI	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
Điều 45	Phân phối lợi nhuận	50
Điều 46	Cổ tức	51
CHƯƠNG VII	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	51
Điều 47	Tài khoản ngân hàng	51
Điều 48	Năm tài chính	51
Điều 49	Chế độ kế toán	52
CHƯƠNG VIII	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	52
Điều 50	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	52
Điều 51	Báo cáo thường niên	53
Điều 52	Công khai thông tin	53
CHƯƠNG IX	KIỂM TOÁN CÔNG TY	53
Điều 53	Kiểm toán	53
CHƯƠNG X	CON DẤU	53
Điều 54	Con dấu	53
CHƯƠNG XI	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	53
Điều 55	Chấm dứt hoạt động	53
Điều 56	Thanh lý	54
CHƯƠNG XII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 57	Giải quyết tranh chấp nội bộ	54
CHƯƠNG XIII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	55
Điều 58	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	55
Điều 59	Hiệu lực thi hành	55
HỌ TÊN, CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN		55

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại -VINACOMIN (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số 104/2004/QĐ-BCN ngày 30 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Du lịch và Thương mại thành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Than Việt Nam;

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày tháng 4 năm 2018.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là HĐQT.

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp, hoặc đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

d) "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

đ) “ Luật chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;

e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

g) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

h) "Người quản lý công ty" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.

i) "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành khách theo quy định của Điều lệ Công ty.

k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp; khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

l) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông

m) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 của Luật Chứng khoán,

n) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

o) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

p) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI – VINACOMIN;

b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VINACOMIN-TOURISM AND TRADING JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

d) Tên Công ty viết tắt: VTTC

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau: Quả địa cầu màu trắng đường kinh tuyến và vĩ tuyến màu đen, nằm trong khung hình chữ nhật có nền 2/3 là màu xanh đậm và 1/3 là màu đen, trên quả địa cầu có bản đồ nước Việt Nam và chim hạc đều màu đỏ, nằm trên đường xích đạo có hàng chữ in VTTC màu xanh đậm.



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Tầng 8, toà nhà Việt Á , phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại: 02435180079 ; 02435184757

- Fax: 02438510413

- E-mail: vttc@vinacoaltour.vn

- Website: www.vttc.net.vn

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

7. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu "VINACOMIN" của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và quy định của Pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
----	------------	----------

1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay + Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; + Giao nhận hàng hóa (Không bao gồm dịch vụ bưu chính);	5229
2	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Dịch vụ tư vấn du học tự túc (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); + Dịch vụ xuất nhập cảnh và dịch vụ học sinh du học nước ngoài (theo quy định của pháp luật);	8559
3	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, dịch vụ tắm nước khoáng nóng (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);	9610
4	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: + Dịch vụ bán đấu giá tài sản + Môi giới thương mại + Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610
5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
6	Đào tạo đại học và sau đại học. Chi tiết: Dịch vụ đào tạo	8542
7	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: + Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô + Vận chuyển Du lịch;	4932
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát, đá, sỏi và vật liệu xây dựng	0810
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh cát, đá, sỏi và vật liệu xây dựng	4663
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản	4662
11	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh nông sản	4620
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: + Xuất, nhập khẩu khoáng sản và nông sản; + Xuất nhập khẩu trực tiếp và Xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ du lịch, sản xuất và đời sống;	8299
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Dịch vụ cho thuê thiết bị và bốc xúc, san gạt đất đá, than, khoáng sản;	7730
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: + Kinh doanh vật tư, thiết bị y tế, + Kinh doanh trực tiếp vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ du lịch, sản xuất và đời sống;	4659
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm) và dược phẩm, muối vô cơ	4669

16	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi	4649
17	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Dịch vụ đại lý xăng dầu;	4661
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104
19	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh nước giải khát, kinh doanh bia (không bao gồm KD phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);	4633
20	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tắm bể bơi;	9329
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển đất đá, than, vật liệu, hàng hóa, máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và đời sống	4933
22	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản;	6820
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh căn hộ cho thuê;	6810
24	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp thiết bị, dụng cụ sản xuất và tiêu dùng;	2819
25	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp ráp thiết bị, dụng cụ sản xuất, tiêu dùng	3320
26	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến than;	0899
27	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5510
28	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Kinh doanh ăn uống;	629
29	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: + Dịch vụ du lịch; + Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;	7920
30	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
31	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Trừ các dịch vụ: kế toán, bảo vệ, chuyển phát)	8110
32	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp (hoặc quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.560.000 VNĐ (bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ không triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.500.056 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi (nếu có) có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán quy định khác. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có

dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Công ty ;
- Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại ;
- Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá vốn của cổ phần đã góp ;
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc . Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

7. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 8. Chào bán, bán, mua lại cổ phần, phát hành chứng khoán

1. Chào bán cổ phần :

a) Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn Điều lệ.

b) Chào bán cổ phần để tăng vốn Điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật doanh nghiệp gồm :

- (i) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu
- (ii) Chào bán ra công chúng
- (iii) Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

c) Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 122, 123, 124 Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

d) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

2. Bán cổ phần

HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các quy định tại Điều 125 Luật doanh nghiệp phải được cổ đông chấp thuận.

3. Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán (cổ phiếu quỹ) theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn Điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền lợi nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần

nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 10. Thu hồi cổ phần và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau :

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác.

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán ; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác.

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại điểm 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

Chương III:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông : là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
2. Hội đồng quản trị : do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
3. Giám đốc : là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát;
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Mục 1:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông được quyền đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
3. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (bỏ phiếu từ xa) hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;

đ) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí), và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (Năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

đ) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước/số giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại hội cổ đông;

g) Các quyền khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau :

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác ;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau :

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty ;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức

mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh (hoặc cấp có thẩm quyền) có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

đ) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập họp đủ chữ ký các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý, điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm đ và e Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp như quy định tại điểm a khoản này, thì trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty (nếu có).

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm đ khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Người triệu tập phải lập và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

đ) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;

b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về hoạt động của HĐQT và Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT. d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên đ) Định hướng, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Lựa chọn công ty kiểm toán;

d) Số lượng thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát;

đ) Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán.

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định Ban/Người thanh lý;

l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

m) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

n) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán trong mười hai (12) tháng;

o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.

q) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm o khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật ;

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được uỷ quyền

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại

khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :

a) Có năng lực, hành vi dân sự đầy đủ.

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

c) Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác.

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc các nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây :

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác ;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua;

2. Việc tổ chức một cuộc họp của cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có

thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên;

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc tại điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình họp, nội dung và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

d) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

đ) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm :

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp ;

b) Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên.

c) Phiếu biểu quyết ;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp ;

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân ; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức ; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 của Điều này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp đại hội đồng cổ đông lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng lý do HĐQT quyết định. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được Chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc ; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó đều có hiệu lực thi hành

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác . Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông :

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty ;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn) ;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại ;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát ;

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán ;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35 % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán ;

h) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty; Chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

3. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này) được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty về mô hình hoạt động được quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty gần nhất đã được kiểm toán.

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ

ngày quyết định được thông qua hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây :

a) Gửi thư Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ và gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và chữ ký của các cổ đông dự họp văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại Khoản 7 Điều 21 của Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc Trọng tài, Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- g) Các lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) thành viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị :

a) Số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
- h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;
- i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị ;
- k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc công ty và các chức danh cán bộ quản

lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc ; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác cũng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1, Điều 130 Luật doanh nghiệp.

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền.

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, khoản 1 và 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

r) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó ; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo ; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty;

b) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm r, khoản 2 Điều 15 Điều lệ này tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ

đồng, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bầu một (01) thành viên HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây :

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp ; triệu tập cuộc họp HĐQT ;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;

đ) Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm dự thảo, chủ trì việc thông qua quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó, Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ, đồng thời ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải triệu tập và gửi thông báo mời họp HĐQT định kỳ chậm nhất năm (05) ngày trước ngày họp , lập chương trình nghị sự, xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy có bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng..

b) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi

ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 5 Điều 41 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thỉnh.

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty Giám đốc Công ty, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiêu ban, trách nhiệm của từng tiêu ban. Cụ thể, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Thành viên của tiêu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng.

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật về Điều lệ công ty;

k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 3:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do HĐQT Công ty quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHCĐ thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn.

Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù,

người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính, thương mại, dịch vụ, kinh doanh khác và dân sự theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ này; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; Đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo HĐQT để trình ĐHĐCĐ thông qua theo thẩm quyền.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng

năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc Công ty và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Miễn nhiệm.

HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở ba (03) ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Mục 4:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát

Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc Công ty và các bộ phận quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp;

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

7. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của

Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

đ) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có) để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b) Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

d) Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c của khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát

a) Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

5. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mục 5:

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử vào HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Mục 6:

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm căn trọng của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được

nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn

thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình;

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương IV:

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí (trường hợp Công ty chưa có website). Nếu Công ty có website, Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.

Chương V:

NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 44. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương VI:

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 46. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký Việt Nam;

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật;

Chương VII:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của

tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn chín mươi (90) ngày; trường hợp nhỏ hơn chín mươi (90) ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương VIII:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan liên quan khác (nếu có).

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con (nếu có) vào cuối mỗi năm tài chính

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã soát xét theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp. .

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu (06) tháng được soát xét phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51 Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Điều 52. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật doanh nghiệp

Chương IX:

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và uỷ quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính;

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương X:

CON DẤU

Điều 54. Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI:

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 56. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

đ) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm

soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58 . Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Giám đốc Công ty

Nguyễn Đoàn Trang

